

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **998** /TT-UBND

Chợ Đồn, ngày **22** tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch
vốn đầu tư thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia
giai đoạn 2021-2025 (lần 6)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn.

Thực hiện Thông báo số 19/TB-HĐND ngày 16/4/2024 của Hội đồng nhân dân huyện dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Lần 6), với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết:

- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;
- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;
- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực

hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các CT MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1);

- Các Quyết định của UBND tỉnh: số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Số 2328/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các CT MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1);

- Các Nghị quyết của HĐND huyện: số 18/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 về việc thông qua phương án phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia trên địa bàn huyện Chợ Đồn; số 21/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 về việc điều chỉnh phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (lần 1); số 32/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 về việc điều chỉnh bổ sung danh mục dự án đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (lần 2); số 05/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 điều chỉnh phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (lần 3); số 15/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (lần 4); Số 19/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 điều chỉnh phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (lần 5).

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Triển khai Luật Đầu tư công và các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành các Nghị quyết về phương án phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia. Việc phân bổ vốn đảm bảo tính công khai, minh bạch; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; tạo sự chủ động cho địa phương

trong việc cân đối nguồn lực đầu tư để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện các tiêu chí đối với xã Nông thôn mới và Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, HĐND, UBND tỉnh bố bổ sung kinh phí thực hiện dự án 10 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; một số dự án khi đề xuất nhu cầu chưa xác định cụ thể dẫn đến trùng với các dự án do công ty TNHH MTV Thủy Nông quản lý cần điều chỉnh danh mục khác để thực hiện; một số dự án khi khảo sát thực tế có sự tăng, giảm tổng mức phù hợp với quy mô thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết:

Nghị quyết được xây dựng để điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (lần 6) nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn được giao phù hợp với quy mô và thực tế triển khai thực hiện các công trình.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước Nghị định của Chính phủ và các văn hướng dẫn, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở nhất trí của Ban Thường Vụ huyện Ủy tại Thông báo số 1036-TB-HU ngày 01/4/2024; Thực hiện Thông báo số 19/TB-HĐND ngày 16/4/2024 của Thường trực HĐND huyện về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn xây dựng tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (Lần 6).

Phòng Tài chính - Kế hoạch đã chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị, xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Nguyên tắc điều chỉnh:

Việc điều chỉnh phương án phân bổ Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Chợ Đồn theo nguyên tắc: Điều chỉnh giữa các danh mục nhưng không làm vượt tổng nguồn

vốn giao cho địa phương thực hiện theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Số 2328/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các CT MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1).

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1 Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a. Điều chỉnh tăng nguồn vốn dự án 10, nội dung: Dự án ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Chợ Đồn, số tiền: 814.000.000, đ (trong đó: ngân sách trung ương: 775.000.000, đ; ngân sách tỉnh: 39.000.000, đ)

Lý do điều chỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung nguồn vốn giai đoạn thực hiện Dự án 10 (tại quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 08/12/2023).

(Chi tiết tại biểu số 02).

b. Điều chỉnh danh mục dự án 4 của xã Yên Phong và xã Bằng Lăng:

- UBND xã Yên Phong:

Điều chỉnh giảm không thực hiện danh mục Kênh Bản Lanh xã Yên Phong và bổ sung danh mục Đường nội đồng Bản Lanh (Đoạn 2), thôn Bản Lanh, xã Yên Phong, số tiền: 800.000.000, đ (trong đó: Ngân sách trung ương: 760.000.000, đ; ngân sách tỉnh: 40.000.000, đ).

Lý do điều chỉnh: Dự án Kênh Bản Lanh xã Yên Phong Điều do Công ty TNHH MTV Thủy nông quản lý, nên không thực hiện và chuyển sang thực hiện dự án đường Đường nội đồng Bản Lanh (Đoạn 2) nhằm hoàn thiện tiêu chí Giao thông của xã Yên Phong.

- Xã Bằng Lăng

Điều chỉnh giảm không thực hiện danh mục Phai Khuổi Tàu thôn Khuổi Tặc và điều chỉnh tăng tổng mức cho 02 dự án Phai Nà Khoang thôn Bản Cưa xã Bằng Lăng, Phai Nà Kíu thôn Nà Loọc, xã Bằng Lăng. Cụ thể:

+ Công trình Phai Nà Khoang thôn Bản Cưa xã Bằng Lăng: Tăng 105.900.000 đồng (tổng mức sau điều chỉnh là: 480.900.000 đồng);

+ Công trình Phai Nà Kíu thôn Nà Loọc, xã Bằng Lăng: 180.000.000, đ (tổng mức sau điều chỉnh là: 480.000.000 đồng);

Lý do điều chỉnh: Dự án Phai Khuổi Tàu thôn Khuổi Tặc có suất đầu tư lớn, với kinh phí dự kiến ban đầu 285.900.000, đ sẽ không đảm bảo triển khai thực hiện dự án. Do đó, điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư cho 02 danh mục dự án đã phê duyệt trong giai đoạn để đảm bảo triển khai thực hiện dự án có hiệu quả.

(Chi tiết tại biểu số 02).

2.2. Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án của xã Phương Viên, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm không thực hiện đối với 04 danh mục do đã thực hiện năm 2023 và trùng tên danh mục đã phê duyệt giai đoạn 2021 -2025, gồm:

+ Đường trục thôn Bằng Viễn 1 (đoạn từ đầu cầu đến khai Nam) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn (Tổng vốn NSNN: 220 triệu đồng).

+ Đường trục thôn Bằng Viễn 1 (đoạn từ nhà họp thôn cũ đến Khuổi Lòn) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn (Tổng vốn NSNN: 88 triệu đồng).

+ Đường trục thôn Bằng Viễn 1 Đoạn từ nhà Văn hóa Nà Chúa cũ đến nhà ông Sạch xã Phương Viên, (Tổng vốn NSNN: 156 triệu đồng).

+ Đường Trục thôn Nà mẩn (Tổng vốn NSNN: 155 triệu đồng).

- Gộp 02 danh mục trên cùng một tuyến thành một danh mục dự án (Công trình Đường trục thôn Nà Quân (đoạn 2) xã Phương Viên và Công trình đường trục thôn Nà Quân) thành 01 dự án: Đường trục thôn Nà Quân xã Phương Viên với tổng vốn NSNN sau điều chỉnh là: 554,2 triệu đồng.

- Bổ sung tăng 01 danh mục: Đường trục thôn Thôn Choong đoạn từ đường rẽ 257B đến Lèo Chủ xã Phương Viên, với tổng vốn NSNN là: 125 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02).

2.3. Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG sau điều chỉnh giai đoạn 2021-2025 là: 326.867 triệu đồng (Trong đó: NSTW: 290.598 triệu đồng; NSDP (NS tỉnh): 36.269 triệu đồng). Cụ thể:

- Vốn Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 133.852 triệu đồng (Trong đó: NSTW: 290.598 triệu đồng; NSDP (NS tỉnh): 36.269 triệu đồng).

- Vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 193.015 triệu đồng (Trong đó: NSTW: 163.350 triệu đồng; NSDP (NS tỉnh): 29.665 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu số 01, 03, 04).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết gồm 2 điều, cụ thể:

Điều 1. Quyết định về điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch

vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (Lần 6).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (Lần 6) của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn./.

(Kèm Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện).

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐ Văn phòng;
- Phòng Tài chính - KH;
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Triệu Huy Chung

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ ĐÓN

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh			Điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NSDP (NS tỉnh)		NSTW	NSDP (NS tỉnh)		NSTW	NSDP (NS tỉnh)	
	Tổng cộng	326.053	289.823	36.230	814	775	39	326.867	290.598	36.269	
1	Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	133.038	126.473	6.565	814	775	39	133.852	127.248	6.604	Chi tiết tại biểu số 03
	Dự án 1	7.681	7.085	596				7.681	7.085	596	
	Dự án 4	120.748	114.998	5.750				120.748	114.998	5.750	
	Dự án 10	4.609	4.390,0	219,0	814	775,0	39,0	5.423	5.165	258	Điều chỉnh tăng do tỉnh cấp Bổ sung giai đoạn tại QĐ số 2328/QĐ/UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	193.015	163.350	29.665	-			193.015	163.350	29.665	Chi tiết tại biểu số 04

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TT/-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã Phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 đã phê duyệt				Điều chỉnh (tăng +), giảm (-)				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số GP	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng						
	A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14				
AA	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng DB DTTS và MN																					
I	DỰ ÁN 4 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN																					
	Xã Yên Phong								800	760	40	-	-	800	760	40						
1	Kênh Bàn Lanh xã Yên Phong	Thôn Bàn Lanh	L=38 B=1,5 b=3,0	2024-2025		800,00	760,00	40,00	800,0	760,00	40,00	(760,0)	(40,0)	-	-	-	UBND xã Yên Phong	Điều chỉnh giảm do thuộc danh mục Công ty TNHH MTV Thủy nông quản lý				
2	Đường nội đồng Bàn Lanh (Đoạn 2), thôn Bàn Lanh, xã Yên Phong	Thôn Bàn Lanh	Đường GTNT	2024-2025								760,0	40,0	800,0	760,0	40,0	UBND xã Yên Phong	Điều chỉnh bổ sung danh mục hoàn thiện các tuyến đường đạt tiêu chí giao thông				
L2	Xã Bằng Lãng								960,9	913,6	47,3	-	-	960,9	913,6	47,3						
1	Phai Khuổi Tầu, thôn Khuổi Tắc	Thôn Khuổi Tắc	L=7,5 m;	Năm 2025					285,9	271,6	14,3	(271,6)	(14,3)	0,0	-	0,0	UBND xã Bằng Lãng	Giảm danh mục do kinh phí chưa đảm bảo so với quy mô thực hiện				
2	Phai Nà Khương thôn Bàn Cua xã Bằng Lãng	Thôn Bàn Cua, xã Bằng Lãng	L= 10 m;	2024-2025	Số 134 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lãng	480	456,0	24,0	375,0	357,0	18,0	100,6	5,3	480,9	457,6	23,3	UBND xã Bằng Lãng	Bổ sung tăng phí hợp với quy mô thực hiện				
3	Phai Nà Kiu thôn Nà Loọc, xã Bằng Lãng	Thôn Nà Loọc, xã Bằng Lãng	L= 10 m;	2024-2025	Số 135 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lãng	480	456,0	24,0	300,0	285,0	15,0	171,0	9,0	480,0	456,0	24,0	UBND xã Bằng Lãng	Bổ sung tăng phí hợp với quy mô thực hiện				

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt				Điều chỉnh (tăng +), giảm (-)				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chưa đầu tư	Ghi chú
					số QP	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Ngân sách địa phương		
	A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14				
II	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, truyền thông, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình								4.609,0	4.390,0	219,0	775,0	39,0	5.423,0	5.165,0	258,0						
	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn		2022-2025					4.609,0	4.390,0	219,0	775,0	39,0	5.423,0	5.165,0	258,0					Phòng Văn hoá và Thông tin	Điều chỉnh tăng do tỉnh cấp BS giải đoạn tại QĐ số 2328/QĐ/UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
BB	Chương trình MTQG XD NTM					2.020	1.470	73	1.269	1.208	61	-	-	1.269	1.208	61						
1	Xã Phương Viên Đường trục thôn Bằng Viên 1 (đoạn từ đầu cầu đến khu Nam) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	Thôn Bằng Viên 1		2024-2025		220	210	10	220,0	210,0	10,0	(210,0)	(10,0)	-	-	-					UBND xã Phương Viên	
2	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (đoạn từ nhà họp thôn cũ đến Khuổi Lòn) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	Thôn Bằng Viên 1		2024-2025		120	84	4	88,0	84,0	4,0	(84,0)	(4,0)	-	-	-					UBND xã Phương Viên	Giảm do danh mục đã thực hiện, bị lặp lại trong giải đoạn đã phê duyệt
3	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (đoạn từ nhà Văn hóa Nà Chùa cũ đến nhà ông Sạch xã Phương Viên	Thôn Bằng Viên 1		2024-2025		213	149	7	156,0	149,0	7,0	(149,0)	(7,0)	-	-	-					UBND xã Phương Viên	
4	Đường Trục thôn Nà mản	Thôn Nà Mản		2024-2025		212								-	-	-					UBND xã Phương Viên	
5	Đường trục thôn Nà Quán (đoạn 2) xã Phương Viên	Thôn Nà Quán		2.025,00		331	232	12	243,0	232,0	11,0	(232,0)	(11,0)	-	-	-					UBND xã Phương Viên	Giảm danh mục để ghép thành 01 dự án

TT	Tên dự án, công trình	Biểu diễn xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025 đã phê duyệt			Biên chỉnh (tăng +), giảm -)		Kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chức đầu tư	Chi phí
					Số GP	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
	A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Đường trục thôn Nà Quăn, xã Phương Viên	Thôn Nà Quăn	Đường GTNT	2024-2025		754	528	26	148,0	141,0	7,0	386,8	19,4	554,2	527,8	26,4	UBND xã Phương Viên	Góp danh mục đường trục thôn Nà Quăn (Đoạn 2) thành một danh mục, do trên cùng một tuyến đường
7	Đường trục thôn Thôn Choong (đoạn từ đường rẽ 257B đến Lèo Chũ) xã Phương Viên	Thôn Choong	Đường GTNT	2024-2025		170	118,7	5,9				119,0	6,0	125,0	119,0	6,0	UBND xã Phương Viên	Bổ sung danh mục
	Dự phòng sau điều chỉnh của xã Phương Viên								259,0	244,0	15,0	317,2	13,6	590	561	29	UBND xã Phương Viên	

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021-2025 SẴN ĐIỀU CHỈNH (LẦN 6)**
(Kèm theo Tờ trình số: /TTP-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bù Phế duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PQQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chức năng đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
	A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13
	Tổng cộng												133.852	127.248	6.604		
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT												7.681,0	7.085,0	596,0		
	Nội dung 1, 2, 3: Hộ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất												7.681,0	7.085,0	596,0		
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỒNG SÔNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN												120.748	114.998	5.750	-	
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã ĐBKX, thôn ĐBKX												120.748	114.998	5.750	-	
II.1	Xã Xuân Lạc					9.550,5	9.073,0	477,5	-	989,6	938,6	51,0	9.551,0	9.073,5	477,5	-	
1	Đập kênh phai Thoan thôn Bàn Eng	Thôn Bàn Eng, xã Xuân Lạc	Đập L=20m, h=2m, Kênh L=1000m	2022	Q Đ số 2070 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	1.200	1.140	60	Q Đ số 2650 ngày 09/6/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	989,6	938,6	51	989,6	938,6	51,0	BQLDA ĐTXD	
2	Đập, kênh phai Nà Chắt thôn Bàn O	Thôn Bàn O, xã Xuân Lạc	Đập L=25m, h=1,5m, Kênh L=1500m	2022	Q Đ số 2080 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	700	665	35					700,0	665,0	35,0	BQLDA ĐTXD	
3	Kê chống xói thôn Bàn Eng	Thôn Bàn Eng, xã Xuân Lạc	Kê đá hoặc, L=85m	2023	Số 3876 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	1.300	1.235	65					1.300,0	1.235,0	65,0	BQLDA ĐTXD	
4	Nhà văn hóa thôn Tả Hân	Thôn Tả Hân, xã Xuân Lạc	Quy mô 80 chỗ	2023	Số 24 ngày 10/11/2022 của UBND xã Xuân Lạc	500	475	25					500,0	475,0	25,0	UBND Xã Xuân Lạc	
5	Nhà văn hóa thôn Bàn He	Thôn Bàn He, xã Xuân Lạc	Quy mô 50 chỗ	2023	Số 23 ngày 10/11/2022 của UBND xã Xuân Lạc	400	380	20					400,0	380,0	20,0	UBND Xã Xuân Lạc	
6	Rãnh thoát nước đường giao thông trục thôn Bàn O	Thôn Bàn O, xã Xuân Lạc	L=300m, kích thước 50x30 có nắp dầy	2023-2024	Số 34 ngày 12/5/2023 của UBND xã Xuân Lạc	1.100,00	1.045,00	55,00					1.100,0	1.045,0	55,0	UBND Xã Xuân Lạc	
7	Đập, kênh phai Nà Liêng thôn Bàn Phường	Thôn Bàn Phường, xã Xuân Lạc	Đập L=15m, h=2m, Kênh L=700m	2024-2025	Q Đ số 2074 ngày 21/6/2022 và số 627 ngày 15/5/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	800,00	760,00	40,00					800,0	760,0	40,0	BQLDA ĐTXD	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)					Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chức năng đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW		
8	Kênh thủy lợi Tổng Chùa	Thôn Bán Ó, xã Xuân Lạc	Kênh L=250m	2024-2025	Số 112 ngày 21/11/2023 của UBND xã Xuân Lạc	300,00	285,00	15,00						300,0	285,0	15,0	UBND Xã Xuân Lạc	
9	Đường giao thông đoàn từ Tân Láng đến đường đi Bản Phường	Thôn Bán Ó, xã Xuân Lạc	Đường cấp C, L=1600m	2024-2025	Q.Đ số 4053 ngày 28/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	1.450,00	1.377,50	72,50						1.450,0	1.377,5	72,5	BQLDA ĐTXD	
10	Cầu Nà Chất thôn Bán Ó	Thôn Bán Ó, xã Xuân Lạc		2025		1.000,00	950,00	50,00						1.000,0	950,0	50,0	BQLDA ĐTXD	
11	Đường giao thông Bán Ó đi Thăm Nghiến	Thôn Bán Ó, xã Xuân Lạc	Đường cấp C, L=500m	2025		801,00	761,00	40,00						801,0	761,0	40,0	UBND Xã Xuân Lạc	
II.2	Dự phòng chưa phân bổ													210,4	201,4	9,0		
	Xã Đại Sáo					9.505	9.030	475						9.551,0	9.073,5	477,6	-	
1	Xây mới đập Nà Dân cánh đồng nà Dân	Thôn Nà Kháo	chiều dài +E21:E2712 m; cao 1,5m; rộng 1,2m	2022-2023	Q.Đ số 2071 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	720	684	36						720,0	684,0	36,0	BQLDA ĐTXD	
2	Xây mới Nhà văn hóa thôn Bán Sáo	Thôn Bán Sáo	Xây mới từ 80 chỗ ngồi trở lên	2022-2023	Số 205 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	700	665	35						700,0	665,0	35,0	UBND xã Đại Sáo	
3	Xây mới Nhà văn hóa thôn Nà Ngà	Thôn Nà Ngà	Xây mới từ 80 chỗ ngồi trở lên	2022-2023	Số 192 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	700	665	35						700,0	665,0	35,0	UBND xã Đại Sáo	
4	Xây mới đập Phai Toong	Thôn Nà Luông	chiều dài 10 m; cao 1,5m; rộng 1 m	2022-2023	Q.Đ số 2072 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	600	570	30						600,0	570,0	30,0	BQLDA ĐTXD	
5	Đề tống tuyến đường từ thôn Nà lại đến thôn Trung Tâm (đoạn từ nhà ông Bổng đến Trường TH+THCS)	Thôn Nà Lại	Chiều dài 520,5m; chiều rộng 3m; dày 16cm	2022-2023	Số 206 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	740	703	37						740,0	703,0	37,0	UBND xã Đại Sáo	
6	Xây mới đập Nà Dừn	Thôn Bán Loon	Đập chiều dài 5 m; cao 1,5m; rộng 1 m	2023-2024	Số 3877 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	300	285	15						300,0	285,0	15,0	BQLDA ĐTXD	
7	Xây mới Đập + kênh Khau hương + xi phông cánh đồng Nà Quan	Thôn Bán Sáo	Đập chiều dài 13 m, cao 1,5m; rộng 1,2 m kênh dài 143m, xi phông dài 40m	2023-2024	Số 3878 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	1.015	964	51						1.015,0	964,3	50,8	BQLDA ĐTXD	
8	Xây mới Nhà văn hóa thôn Bán Loon	Thôn Bán Loon	Xây mới từ 80 chỗ ngồi trở lên	2024-2025	Số 170 ngày 09/11/2023 của UBND xã Đại Sáo	700,00	665,00	35,00						700,0	665,0	35,0	UBND xã Đại Sáo	
9	Xây mới Nhà văn hóa thôn Nà Luông	Thôn Nà Luông	Xây mới từ 80 chỗ ngồi trở lên	2024-2025	Số 169 ngày 09/11/2023 của UBND xã Đại Sáo	700,00	665,00	35,00						700,0	665,0	35,0	UBND xã Đại Sáo	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bà Phé duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số qđ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn đối ứng			
10	Xây mới đập Nà Yếu +Đoan 2 kênh Nà Yếu	Thôn Nà Lường	Đập chiều dài 7,5m;cao 1,5m; rộng 1,2m; Kênh dài 102,7m	2024-2025	Số 192 ngày 09/11/2023 của UBND xã Đại Sào	550,00	522,50	27,50					550,0	522,5	27,5	UBND xã Đại Sào		
11	Bê tông tuyến đường từ thôn Trung Tâm Di thôn Nà Kháo (Đoạn 2 từ nhà ông Huệ Đến Nhà ông Việt)	Thôn Nà Kháo	Chiều dài 700m; chiều rộng 3m; dày 16cm	2024-2025		980,00	931,00	49,00					980,0	931,0	49,0	UBND xã Đại Sào		
12	Xây mới Nhà văn hóa thôn Nà Lái	Thôn Nà Lái	Xây mới từ 80 chỗ ngồi trở lên	2024-2025		700,00	665,00	35,00					700,0	665,0	35,0	UBND xã Đại Sào		
13	Xây mới nhà văn hóa thôn Nà Kháo	Thôn Nà Kháo	Xây mới từ 80 chỗ ngồi trở lên	2024-2025		700,00	665,00	35,00					700,0	665,0	35,0	UBND xã Đại Sào		
14	Xây mới tuyến kênh Nà Lái (Đoạn 2)	Thôn Trung Tâm	chiều dài 500m; rộng 30cm; chiều dài 30cm, dày 12cm	2024-2025		400,00	380,00	20,00					400,0	380,0	20,0	UBND xã Đại Sào		
	Chưa phân bổ sau điều chỉnh												46,0	43,7	2,3			
II.3	Xã Bình Trung					10.523,3	9.997,1	526,2		342,1	342,1	-	10.506	9.981	525,3	-		
1	Đường liên thôn từ ngã ba Đèo Trảo đến phân trường thôn Khuổi Bẩy	Thôn Khuổi Bẩy	Đường loại B, L = 3600m, B = 3m, H = 16cm	2022-2024	QĐ số 2086 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	5.015	4.764	251					5.014,8	4.764,1	250,7	BQLDA DTXD		
2	Đường nội thôn từ trục đường 254b đến trạm bơm điện và từ nhà ông Chuẩn đến hội trường thôn Tòng Quán	Thôn Tòng Quán	Đường loại B, L = 300m, B = 3m, H = 16cm	2022-2023	QĐ số 2085 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	365	347	18	74 ngày 13/01/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	342	342		365,0	346,8	18,3	BQLDA DTXD		
3	Đường trục thôn từ Nà Đe đến phân trường thôn Vằng Doọc	Thôn Vằng Doọc	Đường loại B, L = 1675m, B = 3m, H = 16cm	2022-2024	Số 2077 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.110	2.005	106					2.110,0	2.004,5	105,5	BQLDA DTXD		
4	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Bàn Truôm	Thôn Bàn Truôm	80 chỗ ngồi	2023	Số 359 ngày 30/11/2022 của UBND Xã Bình Trung	517	491	26					500,0	475,0	25,0	UBND xã Bình Trung		
5	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Bàn Ca	Thôn Bàn Ca	150 chỗ ngồi	2024-2025	Số 171 ngày 27/11/2023 của UBND Xã Bình Trung	800,00	760,00	40,00					800,0	760,0	40,0	UBND xã Bình Trung		
6	Kè chống xói đường trục thôn Nà Phảy (Đoạn từ cầu Nà Phảy đến hội trường thôn)	Thôn Nà Phảy	Kè đá vôi: L= 120m, h = 2m	2025		500,00	475,00	25,00					500,0	475,0	25,0	BQLDA DTXD		
7	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Vằng Quán	Thôn Vằng Quán	80 chỗ ngồi	2025		500,00	475,00	25,00					500,0	475,0	25,0	UBND xã Bình Trung		
8	Kiến cổ hóa kênh mương Nà Hối, thôn Nà Quán	Thôn Nà Quán	Kiến cổ hóa tuyến kênh L = 1000m, Bxh = 30x40cm	2025		716,10	680,30	35,81					716,1	680,3	35,8	UBND xã Bình Trung		
II.4	Xã Bàn Thi					#####	9.519,54	501,88					10.506	9.981	525,3	-		

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)					Quyết định PDQT Dự án hoàn thành					Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QP	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW		
1	Đường liên thôn Hợp Tiến - Phường Lâm đoạn từ xưởng ông Phương đến vườn rừng ông Kim	Thôn Phường Lâm	L=2000 B=3 h=0,16	2022 - 2023	QP số 2084 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.999	2.849	150							2.999,0	2.849,0	149,9	BQLDA ĐTXD huyện	
2	Đường liên thôn Hợp Tiến - Bản Nhài đoạn từ đường rẽ khu dân cư Hợp Tiến vào đến nhà bà Tuyền	Thôn Bản Nhài	L=2000 B=3 h=0,16	2022 - 2023	QP số 2082 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.571	2.443	129							2.571,3	2.442,8	128,6	BQLDA ĐTXD huyện	
3	Đường liên thôn Kéo Nàng - Khuổi Kén đoạn từ cầu số 1 vào đến khu nhà Kiem Lâm	Thôn Kéo Nàng	Đường GTNT loại B, chiều dài 800m	2024-2025	QP số 142 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bản thì	1.804,00	1.029,00	55,00							1.084,0	1.029,0	55,0	UBND xã Bản thì	
4	Đường liên thôn - Bản Nuông - Hợp Tiến (Việt trí Ao) đoạn từ nhà nhà Thanh Trụ đến nhà ông Phời	Thôn Bản Nuông, Hợp Tiến	Đường GTNT loại B, chiều dài Khoảng 800m	2024-2025	QP số 143 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bản thì	750,00	712,50	37,50							1.234,7	1.173,8	60,9	UBND xã Bản thì	
5	Đường trục thôn Phường Lâm (đoạn từ đường vào khu nhà ông Sên)	Thôn Phường Lâm	Đường GTNT loại B	2024-2025	QP số 145 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bản thì	490,00	465,50	24,50							490,0	465,50	24,50	UBND xã Bản thì	
6	Đường liên thôn Hợp Tiến - Phường Lâm đoạn từ nhà ông Minh đến cột vĩa	Thôn Phường Lâm	Đường GTNT loại B	2024-2025	QP số 144 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bản thì	117,11	111,25	5,86							117,1	111,25	5,86	UBND xã Bản thì	
7	Đường liên thôn Hợp Tiến - Phường Lâm đoạn từ vườn rừng ông Long đến bãi tổng	Thôn Phường Lâm	L=700 B=3 h=0,16	2025		1.050,00	997,50	52,50							1.050,0	997,5	52,5	UBND xã Bản thì	
8	Đường liên thôn Kéo Nàng - Khuổi Kén đoạn từ nhà bà Giên đến nhà ông Hiếu	Thôn Kéo Nàng	L=640 B=3 h=0,16	2025		960,00	912,00	48,00							960,0	912,0	48,0	UBND xã Bản thì	
II.5	Xã Tân Lập					9.595,00	9.020,25	474,75							9.551,0	9.073,4	477,6	-	
1	Nhà văn hóa thôn Bản Chang	Thôn Bản Chang	Quy mô 80 chỗ ngồi	2022-2023	QĐ số 230 ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	600	570,0	30							600,0	570,0	30	UBND xã Tân Lập	
2	Nhà văn hóa thôn Nà Chác	Thôn Nà Chác	Quy mô 80 chỗ ngồi	2022-2023	QĐ số 233 ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	600	570,0	30							588,9	559,4	29,4	UBND xã Tân Lập	
3	Nhà văn hóa thôn Phai Đẳng	Thôn Phai Đẳng	Quy mô 80 chỗ ngồi	2022-2023	QĐ số 231 ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	600	570,0	30,0							584	554,6	29,2	UBND xã Tân Lập	
4	Nhà văn hóa thôn Nà Ngần	Thôn Nà Ngần	Quy mô 80 chỗ ngồi	2022-2023	QĐ số 232 ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	600	475	25							584	554,8	29,2	UBND xã Tân Lập	
5	Đường giao thông thôn Phường Đền	Thôn Phường Đền	Đường cấp B, chiều dài khoảng 3,5 km	2022-2023	QĐ số 2083 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	4.370	4.152	219							4.370,0	4.151,5	218,5	BQLDA ĐTXD	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã Phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PĐQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng			
6	Đường giao thông Nà Lược- Nà Mầu	Thôn Nà Lược	Đường cấp C, chiều dài khoảng 800m	2025		1.000,00	950,00	50,00						1.000,0	950,0	50,0	UBND xã Tân Lập	
7	Đường lên nhà văn hóa thôn Nà Lịn	Thôn Nà Lịn	Đường cấp B, chiều dài khoảng 80m, Kè ta luy đường	2025		200,00	190,00	10,00						200,0	190,0	10,0	UBND xã Tân Lập	
8	Kè Bảo vệ đường giao thông thôn Nà Lược	Thôn Nà Lược	Cao 2m dài 50m	2025		681,00	646,95	34,05						681,0	647,0	34,1	BQLDA ĐTXD	
9	Kè đường giao thông thôn Nà Ngần	Thôn Nà Ngần	Dài khoảng 250m, cao 2m	2024-2025		300,00	285,00	15,00						300,0	285,0	15,0	BQLDA ĐTXD	
10	Đường giao thông nội thôn Nà Lịn	đôn Nà Lịn	Đường GINT	2024-2025	Số 126 ngày 06/11/2023 của UBND xã Tân Lập	250	237,50	12,50						250,0	237,50	12,50	UBND xã Tân Lập	
11	Đập Nà Khau thôn Ban Chang, xã Tân Lập	Thôn Ban Chang	Đập bê tông	2024-2025	Số 146 ngày 27/11/2023 của UBND xã Tân Lập	394	374,30	19,70						393,5	373,82	19,68	UBND xã Tân Lập	
II.6	Xã Bằng Phúc					9.491,0	9.017,0	474,1	-	1.395,9	1.325,2	70,7	9.551,0	9.073,5	477,6	-		
1	Dự án Công trình kênh mương Nà Châm	Thôn Nà Hồng	L = 1.500 m	Năm 2022	QĐ số 87 ngày 27/6/2022 của UBND xã Bằng Phúc. Điều chỉnh số 126 ngày 06/11/2023 của UBND xã Tân Lập	1.050	997,50	52,50	QĐ số 106 ngày 05/9/2023 của UBND xã Bằng Phúc	1.031,30	978,80	52,50	1.031,3	978,8	52,5		UBND xã Bằng phúc	
2	Công trình Mương Nà Bay (đoạn từ Hối trường thôn đến Nà Pén)	Thôn Nà Bay	L = 400 m	Năm 2022	QĐ số 83 ngày 27/6/2022 của UBND xã Bằng Phúc	370	352	19	QĐ số 87 ngày 18/7/2023 của UBND xã Bằng Phúc	365	346	18	364,6	346,4	18,2		UBND xã Bằng phúc	
3	Công trình đường trục thôn Nà Châm - Cốc Kinh thôn Ban Chang	Thôn Ban Chang	L = 200 m	2022-2023	QĐ số 133 ngày 17/10/2022 của UBND xã Bằng Phúc	198	188	10						198,0	188,1	9,9	UBND xã Bằng phúc	
4	Đường nội đồng từ Cốc Hón đến đường 257 B thôn Ban Quan	Thôn Ban Quan	L = 300 m	2024-2025	QĐ số 159 ngày 29/11/2023 của UBND xã Bằng Phúc	748	711	37,0						748,0	711	37,0	UBND xã Bằng phúc	
5	Sửa chữa cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chợ xã Bằng Phúc)		Sửa chữa Chợ xã	Năm 2023-2024	QĐ số 2677 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	1.018	967	51						1.018,0	967,1	50,9	BQLDA ĐTXD	
6	Kè chống xói lở Váng Tắc Nặm		L = 350 m	2023-2024	Số 3380 ngày 28/11/2022 của UBND H. Chợ Đồn	1.265,00	1.201,75	63,25						1.265,0	1.201,8	63,3	BQLDA ĐTXD	
7	Dự án đường liên thôn Nà Hồng - Ban Khieu	Thôn Nà hồng, Ban Khieu	L = 1.000 m	Năm 2024		442,00	420,00	22,00						442,0	420,0	22,0	UBND xã Bằng phúc	
8	Dự án Mương Pác Lìn thôn Khuổi Cươn	Thôn Khuổi Cươn	L = 400 m	2023	Số 184 ngày 29/11/2022 của UBND xã Bằng Phúc	370	351,50	18,50						370,0	351,5	18,5	UBND xã Bằng phúc	
9	Dự án nhà văn hoá xã Bằng Phúc		250 chỗ ngồi	2024-2025	Số 160 ngày 29/11/2023 của UBND xã Bằng Phúc	2.500,00	2.375,00	125,00						2.500,0	2.375,0	125,0	UBND xã Bằng phúc	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bà Phé duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)						Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Chị chủ
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW		
10	Dự án đường giao thông Phường Phụng (từ đoạn trên nhà ông Lý Kiểm Luồng đến dưới đôi chề nhà ông Lý Văn Phóng)		L = 300 m	Năm 2025		330,00	313,50	16,50							330,0	313,5	16,5	UBND xã Bàng Phúc	
11	Bê tông hóa đường giao thông Phường Phụng - Phường Phấn (từ đôi chề nhà ông Triệu Đào Phấn đến Phường Phấn)		L = 1.200 m	Năm 2025		1.200,00	1.140,00	60,00							1.200,0	1.140,0	60,0	UBND xã Bàng Phúc	
12	Chưa phân bổ sau điều chỉnh														84,1	80,3	3,8		
II.7	Xã Yên Mỹ														9.551,0	9.073,5	477,6	-	
1	Mở mới đường Khuổi Tào đoạn II	Thôn Khuổi Tào	L = 636,30m; Bề mặt = 4,0m	Năm 2022-2023	QĐ 2069 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	1.000	950	50							1.000,0	950,0	50,0	BQLDA ĐTXD	
2	Nhà văn hóa thôn Nà Gió	Thôn Nà Gió	80 chỗ ngồi	Năm 2022	QĐ số 639 ngày 21/6/2022 của UBND xã Yên Mỹ	400	380	20			QĐ số 549 ngày 28/6/2023 của UBND xã Yên Mỹ	399,1	379,1	20	399,1	379,1	20,0	UBND xã Yên Mỹ	
3	Nhà văn hóa thôn Bản Lự	Thôn Bản Lự	80 chỗ ngồi	Năm 2022	QĐ số 637 ngày 21/6/2022 của UBND xã Yên Mỹ	400	380	20			QĐ số 725 ngày 14/9/2023 của UBND xã Yên Mỹ	400	380	20	399,6	379,6	20,0	UBND xã Yên Mỹ	
4	Nhà Văn Hóa Thôn Phường Dĩa	Thôn Phường Dĩa	100 chỗ ngồi	Năm 2023	Số 1167 ngày 30/11/2022 của UBND xã Yên Mỹ	600	570	30							600,0	570,0	30,0	UBND xã Yên Mỹ	
5	Nhà Văn hóa thôn Bản Vọng	Thôn Bản Vọng	80 chỗ ngồi	Năm 2023	Số 1168 ngày 30/11/2022 của UBND xã Yên Mỹ	400	380	20							400,0	380,0	20,0	UBND xã Yên Mỹ	
6	Đập, Kênh Nà Pí Thôn Pác Khoang	Thôn Pác Khoang	L = 11,20m; Tường cánh L = 19,20m; Kênh L = 48,07m	Năm 2023	Số 2081 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	600	570	30							600,0	570,0	30,0	BQLDA ĐTXD	
7	Đập, Kênh Nà Luồng thôn Phường Dĩa	Thôn Phường Dĩa	Đập L=17,66m, thân đập dày 15cm; Kênh L=50m	Năm 2023	Số 2075 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	600	570	30							600,0	570,0	30,0	BQLDA ĐTXD	
8	Nhà Văn Hóa Thôn Khuổi Tào	Thôn Khuổi Tào	50 chỗ ngồi và công trình phụ	Năm 2023	Số 1169 ngày 30/11/2022 của UBND xã Yên Mỹ	443	421	22							443,0	421,0	22,0	UBND xã Yên Mỹ	
9	Nhà văn hóa thôn Pác Khoang	Thôn Pác Khoang	80 chỗ ngồi	2024-2025	Số 952 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Mỹ	600,00	570,00	30,00							600,0	570,0	30,0	UBND xã Yên Mỹ	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bà Phé duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
10	Nhà văn hóa thôn Nà Leng	Thôn Nà Leng	100 chỗ ngồi + công trình phụ	2024-2025	Số 951 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Mỹ	800,00	760,00	40,00					800,0	760,0	40,0	UBND xã Yên Mỹ	
11	Đập, kênh Nà Chém, Xi phòng sang Nà Lùng, Thôn Nà Leng	Thôn Nà Leng	Đập L=25m, Kênh L= 70m, xi phòng L=400m	2024-2025	Số 4020 ngày 22/11/2023 của UBND huyện Chư Đôn	1.251,00	1.188,45	62,55					1.251,0	1.188,5	62,6	BQLDA ĐTXD	
12	Xây kè và đê bê tông đường Khuổi Tào đoạn bờ ao nhà ông Duyện	Thôn Khuổi Tào	Kè Dài khoảng 100m, rộng 1m, cao 1,5m; L mặt đường khoảng 120m, B=3m	Năm 2025		450,00	427,50	22,50					450,0	427,5	22,5	BQLDA ĐTXD	
13	Đường Trục thôn Pác Khương đoạn từ đường 259b đến nhà ông Xuyến.	Thôn Pác Khương	L= 160m, B=3m	Năm 2025		170,00	161,50	8,50					170,0	161,5	8,5	UBND xã Yên Mỹ	
14	Đê bê tông mặt đường đoạn II Khuổi Tào	Thôn Khuổi Tào	L=700m, B=3m	2024-2025	Số 953 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Mỹ	850,00	807,50	42,50					850,0	807,5	42,5	UBND xã Yên Mỹ	
15	Đập, kênh Ké Va, ống xi phòng sang Các Cam Khuổi Luộc thôn Bàn Vong	Thôn Bàn Vong	Đập L= 8m, Kênh L= 200m, Xi phòng L=30m	2024-2025	Số 3739 ngày 06/11/2023 của UBND huyện Chư Đôn	980,00	931,00	49,00					980,0	931,0	49,0	BQLDA ĐTXD	
	Chưa phân bổ sau điều chỉnh												8,4	7,9	0,5		
II.8	Xã Yên Phong												9.550,1	9.072,7	477,4	-	
1	Nhà Văn hóa Đôn Mạ	Đôn Mạ	150 chỗ	Năm 2022	QB số 266 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	732	695	37	QB số 100 ngày 12/9/2023 của UBND xã Yên Phong	729	693	36	729,2	692,7	36,5	UBND xã Yên Phong	
2	Kênh mương Vằng Hồ tuyến Nà Vư	Thôn bản Tộc	L=1000 B=0,3 H=0,3	Năm 2022	QB số 265 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong, Điều chỉnh số 340 ngày 22/21/2022	453	430	23					452,6	429,9	22,6	UBND xã Yên Phong	
3	Nhà Văn hóa Bàn Tầm	Thôn Bàn Tầm	80 chỗ	Năm 2022	QB số 266 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	603	573	30					603,0	572,9	30,2	UBND xã Yên Phong	
4	Đập Vằng Quốc Tông Lương	Thôn Khu Tộc	L=18 B=1,5 H=2,0	Năm 2022	QB số 263 ngày 22/8/2022 của UBND xã Yên Phong	631	599	32					631,1	599,5	31,6	BQLDA ĐTXD	
5	Phai Nà Tê Pác Cộp	Pác Cộp	L=19 B=1,0 H=1,5	Năm 2022	Số 3003 ngày 26/9/2022 của UBND H. Chư Đôn	650	618	33					650,0	617,5	32,5	BQLDA ĐTXD	
6	Mương Nà Lôi-Nà Chư	Nà Chư	L=434 B=0,3 H=0,3	Năm 2022	Q Đ số 267 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	100	95	5					100,0	95,0	5,0	UBND xã Yên Phong	
7	Đường nội đồng Bàn Lành xã Yên Phong	Thôn Bàn Lành	L=1500 B=3 H=0,14	Năm 2023	Q Đ số 341 ngày 25/11/2022 của UBND xã Yên Phong	1.045	993	52					1.045,0	993	52	UBND xã Yên Phong	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã Phê duyệt hoặc dự kiến duyệt)				Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tính đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tính đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tính đối ứng			
8	Đập kênh Nà Ngán, Nà Lìn, Nà Máng	Nà Máng	L=500 B=0,3 h=0,3	Năm 2023	QĐ số 340 ngày 25/11/2023 của UBND xã Yên Phong	843,05	801,0	42,1						843,1	801,0	42,1	UBND xã Yên Phong	
9	Đập, Kênh Nà Sáu- Nà Tắc	Nà Tắc	L=500 B=0,3 h=0,3	2024-2025	QĐ số 141 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Phong	555,05	527,0	28,1						555,1	527,0	28,1	UBND xã Yên Phong	
10	Phai , nương Mù Nâu đoạn 2	Thôn Bân Noong	L=800 B=0,3 h=0,3	2024-2025	QĐ số 140 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Phong	504,05	478,4	25,7						504,1	478,4	25,7	UBND xã Yên Phong	
11	Đường nội đồng Bán Lanh (Đoạn 2), thôn Bán Lanh, xã Yên Phong	Thôn Bán Lanh	Đường GTNT	2024-2025										800,0	760,0	40,0	UBND xã Yên Phong	Bổ sung mới
12	Phai Pác Toong - Phiêng Quắc	Thôn Phiêng Quắc	L=15; B=2,0; h=1,5	Năm 2025		507,00	481,7	25,4						507,0	481,7	25,4	BQLDA ĐTXD	
13	Nhà văn hóa thôn Bán Noong	Thôn Bán Noong	Quy mô 100 chỗ ngồi	2024-2025	QĐ số 112 ngày 30/10/2023 của UBND xã Yên Phong	681,05	647,0	34,1						681,1	647,0	34,1	UBND xã Yên Phong	
14	Nhà văn hóa Khuai Toọc	Thôn Khuai Toọc	Quy mô 80 chỗ ngồi	2024-2025	QĐ số 112b ngày 30/10/2023 của UBND xã Yên Phong	670,05	636,6	33,5						670,1	636,6	33,5	UBND xã Yên Phong	
15	Nhà Văn hoá thôn Pác Lả	Thôn Pác Lả	Quy mô 80 chỗ ngồi	2024-2025	QĐ số 142 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Phong	776,60	738,50	38,10						776,6	738,50	38,10	UBND xã Yên Phong	
	Dự phòng chưa phân bổ													2,5	2,1	0,4		
II.9	Xã Lương Bằng													8.595,9	8.166,1	429,8	-	
1	Đường GTNT Nà Lùng - Bán Diều đoạn 2 xã Lương Bằng	Thôn Nà Lùng, Nà Bìn, Bán Diều	L=2280m, B=3m, h=0,16 xây nương rãnh 2 bên = 6000m	2022-2023	Số 278 ngày 21/6/2022 của UBND huyện	2.971	2.822	149		Số 2558 ngày 31/7/2023 của UBND huyện	2.865,2	2.721,9	143,2596	2.865,2	2.721,9	143,3	BQLDA ĐTXD huyện	
2	Đường trục thôn Bán Diều - Bó Loong	Thôn Bán Diều	BTXM L=1500m, B=3m, h=0,14cm	2023-2024	Số 242 ngày 30/11/2022 của UBND xã Lương Bằng	1.500	1.425	75						1.500,0	1.425,0	75,0	UBND xã Lương Bằng	
3	Phai và Kênh Mương Nà Pẩu xã Lương Bằng	Thôn Nà Tăng	Xây mới phai dài 30 m cao 2,2m rộng 1,5m và kênh 1200m	2024-2025	Số 3857 ngày 08/11/2023 của UBND H. Chư Đôn	3.000,00	2.850,00	150,00						3.000,0	2.850,0	150,0	BQLDA ĐTXD huyện	
4	Nhà văn hóa + sân thể thao thôn Khôn Hên	Thôn Khôn Hên	Xây kiến cơ nhà văn hóa quy mô 50 chỗ ngồi	2024-2025	QĐ 142 ngày 24/11/2023 của UBND xã Lương Bằng	473,00	449,35	23,65						473,0	449,4	23,7	UBND xã Lương Bằng	
5	Đường nội thôn Khôn Hên đoạn từ đường bê tông đến suối	Thôn Khôn Hên	BTXM L=400m, B=3m, h=0,14cm	2025		445,90	423,61	22,30						445,9	423,6	22,3	UBND xã Lương Bằng	
6	Đường trục thôn Bán Môn (đoạn 5)	Thôn Bán môn	Đường GTNT	2024-2025		205,67	196,2	9,5						205,7	196,2	9,5	UBND xã Lương Bằng	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QP	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QB	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng			
	Chưa phân bổ sau điều chỉnh																	
II.10	Xã Bằng Lăng					8.595,0	8.164,5	430,5	-	-	-	-	8.595,9	8.166,1	429,8	-		
1	Mở rộng tuyến đường Bằng Lăng - TT Bằng Lăng.	Thôn Nà Ké	Đường cấp B L=400m	2022-2023	Số 301 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	900	855,0	45,0					900,0	855,0	45,0	UBND xã Bằng Lăng		
2	Tuyến Bằng Lăng- Đại Sào đoạn Kéo Muối	Thôn Nà Looc, xã Bằng Lăng	Đường cấp B, chiều dài khoảng 150 m	2022-2023	Số 300 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	133	126,7	6,7					133,4	126,7	6,7	UBND xã Bằng Lăng		
3	Tuyến đường trục thôn Cốc Thóc	Thôn Nà Đương, xã Bằng Lăng	Đường cấp B, chiều dài khoảng 200 m	2022-2023	Số 298 ngày 18/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	220	208,9	11,0					219,9	208,9	11,0	UBND xã Bằng Lăng		
4	Công trình đường nội đồng Tổng Mụ	Thôn Tổng Mụ	Đường loại C (L=1.000m)	2022-2023	Số 297 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	855	812,5	42,8					855,3	812,5	42,8	UBND xã Bằng Lăng		
5	Công trình Nhà Văn Hóa thôn Bàn Cua	Thôn Bàn Cua, xã Bằng Lăng	VHT-80*	2022-2023	Số 296 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	493	468,2	24,6					492,9	468,2	24,6	UBND xã Bằng Lăng		
6	Dự án kiên cố hoá kênh mương nội đồng cánh đồng Khuổi Còng.	Thôn Bàn Cua, xã Bằng Lăng	Kênh thước 30x40(cm), chiều dài khoảng 1.200m	2022-2023	Số 378 ngày 22/11/2022 của UBND xã Bằng Lăng	451	428,1	22,5					450,6	428,1	22,5	UBND xã Bằng Lăng		
7	Công trình Kè chống xói lở Nà Thẩn	Thôn Bàn Lắc	L = 80	2023-2024	Số 2079 ngày 21/6/2022 của UBND H. Chợ Đồn	670	636,5	33,5					670,0	636,5	33,5	BQLDA ĐTXD		
8	Công trình Nhà Văn Hóa thôn Nà miêng (Khu liên minh)	Thôn Nà Niêng, xã Bằng Lăng	VHT-100*	2023	Số 379 ngày 22/11/2022 của UBND xã Bằng Lăng	630	598,1	31,5					629,6	598,1	31,5	UBND xã Bằng Lăng		
9	Công Trình Phai Cạm Vải + Kênh mương	Thôn Tân Tả, xã Bằng Lăng	Phai L= 12m; Kênh mương L= 500m	2024-2025	Số 3881 ngày 28/11/2023 của UBND H. Chợ Đồn	800	760,0	40,0					800,0	760,0	40,0	BQLDA ĐTXD		
10	Phai Nà Vĩ thôn Bàn Nhì xã Bằng Lăng	Thôn Bàn Nhì	L=9m	2024-2025	Số 132 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lăng	410	389,0	21,0					410,0	389,0	21,0	UBND xã Bằng Lăng		
11	Phai Nà Tền thôn Nà Niêng xã Bằng Lăng	Thôn Nà Niêng, xã Bằng Lăng	L=9m	2024-2025	Số 133 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lăng	435	413,0	22,0					435,0	413,0	22,0	UBND xã Bằng Lăng		
12	Phai Nà Khương thôn Bàn Cua xã Bằng Lăng	Thôn Bàn Cua, xã Bằng Lăng	L= 10 m;	2024-2025	Số 134 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lăng	480	456,0	24,0					480,9	457,6	23,3	UBND xã Bằng Lăng	Bổ sung đồng TMDT	
13	Phai Nà Kiu thôn Nà Looc, xã Bằng Lăng	Thôn Nà Looc, xã Bằng Lăng	L= 10 m;	2024-2025	Số 135 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lăng	480	456,0	24,0					480,0	456,0	24,0	UBND xã Bằng Lăng	Bổ sung đồng TMDT	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)						Quyết định PQDT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QP	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách TW		
14	Kê chống xói lở Nhà Đán	Thôn Tầm Tó, xã Bằng Lăng	L = 100	2025		550	522,5	27,5							550,0	522,5	27,5	UBND xã Bằng Lăng	
15	Dự án kiên cố hoá kênh mương nội đồng cánh đồng Nà Khoang-Nà Pá, xã Bằng Lăng	Thôn Bàn Cua, xã Bằng Lăng	Kích thước 30x40(cm); chiều dài khoảng 1.000m	2025		400	380,0	20,0							400,0	380,0	20,0	UBND xã Bằng Lăng	
16	Đường nội đồng Nà Khát - Nà Mỏ	Thôn Bàn Khát	Đường GTNT	2025		688	653,9	34,4							688,3	653,9	34,4	UBND xã Bằng Lăng	
III.11	Xã Nam Cường					4.298,1	4.083,2	214,9							4.298,0	4.083,1	214,9	-	
	Thôn Lũng Noong																	-	
1	Đường nội thôn đoạn Lũng Noong - Lũng Y	Thôn Lũng Noong	Dài 200m, rộng 3m	2022	Số 34 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	220	210	10							220,2	209,9	10,3	UBND xã Nam Cường	
2	Đường nội thôn Lũng Noong đoạn 1	Thôn Lũng Noong	Dài 60m, rộng 3m	2022	Số 42 ngày 23/6/2022 của UBND xã Nam Cường	108	102	5							107,9	102,5	5,4	UBND xã Nam Cường	
3	Đường nội thôn Lũng Noong đoạn 2	Thôn Lũng Noong	Dài 60m, rộng 3m	2024-2025	Số 158 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	92,60	88,00	4,60							92,6	88,0	4,6	UBND xã Nam Cường	
4	Đường nội thôn đoạn Lũng Noong - Năm Lìn	Thôn Lũng Noong	Dài 300m, rộng 3m	2024-2025		300,00	285,00	15,00							300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
5	Công trình vệ sinh nhà sinh hoạt thôn Lũng Noong	Thôn Lũng Noong	Rộng 6m2	2024-2025		100,00	95,00	5,00							100,0	95,0	5,0	UBND xã Nam Cường	
6	Sân thể thao nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lũng Noong	Thôn Lũng Noong	Dài 28m, rộng 15m, dày 14cm	2024-2025	Số 208 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	200,00	190,00	10,00							200,0	190,0	10,0	UBND xã Nam Cường	
7	Trạm phát thanh thôn Lũng Noong	Thôn Lũng Noong	01 Trạm, đường dây 11km	2025		300,00	285,00	15,00							300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
	Thôn Bàn Lỏm														-	-	-		
1	Nhà văn hóa thôn Bàn Lỏm	Thôn Bàn Lỏm	Thiết kế 100 chỗ ngồi	2022-2023	Số 45 ngày 23/6/2022 của UBND xã Nam Cường	592,60	562	30							592,5	562,1	30,4	UBND xã Nam Cường	
2	Đường giao thông nội thôn Nà Hang đoạn 1	Thôn Bàn Lỏm	Dài 300m, rộng 3m	2022-2024	Số 72 ngày 09/9/2022 của UBND xã Nam Cường	300,00	285,00	15,00							300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
3	Đường giao thông nội thôn Nà Hang đoạn 2	Thôn Bàn Lỏm	Dài 300m, rộng 3m	2022-2023	Số 71 ngày 09/9/2022 của UBND xã Nam Cường	300,00	285,00	15,00							300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
4	Công trình sân nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Bàn Lỏm	Thôn Bàn Lỏm	Dài 25m, rộng 12m, dày 14cm	2024-2025		100,00	95,00	5,00							100,0	95,0	5,0	UBND xã Nam Cường	
5	Trạm phát thanh thôn Bàn Lỏm	Thôn Bàn Lỏm	1 trạm đường dây khoảng 7km	2025		200,00	190,00	10,00							200,0	190,0	10,0	UBND xã Nam Cường	
	Thôn Bàn Quá														-	-	-	-	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bà Phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
1	Nhà sinh hoạt công đồng thôn Bàn Quả	Thôn Bàn Quả	Thiết kế 100 chỗ ngồi	2022-2023	Số 46 ngày 23/6/2022 của UBND xã Nam Cường	585	555,6	29,2					584,8	555,6	29,2	UBND xã Nam Cường	
2	Đường giao thông Bàn Quả-Thôn Púng đoạn 1	Thôn Bàn Quả	Dài 250m, rộng 3m	2024-2025	Số 214 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	300,00	285,00	15,00					300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
3	Đường giao thông Bàn Quả-Thôn Púng đoạn 2	Thôn Bàn Quả	Dài 250m, rộng 3m	2024-2025		300,00	285,00	15,00					300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
4	Đường giao thông Bàn Quả-Thôn Púng đoạn 3	Thôn Bàn Quả	Dài 250m, rộng 3m	2024-2025		300,00	285,00	15,00					300,0	285,0	15,0	UBND xã Nam Cường	
II.12	Thị trấn Bằng Lũng					4.297,1	4.082,1	215,0	-	243,3	231,2	12,2	4.298,0	4.083,1	214,9	-	
1	Đường nội thôn từ hội trường bản đường 2 đến bản đường 1	Thôn Bàn Đường 2	L= 400 m, B= 3m, h=16cm.	2022-2023	Số 188 ngày 30/6/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	477	452,6	23,9					476,6	452,6	23,9	UBND TT Bằng Lũng	
2	Phai, kênh mương nội đồng Nà Khi	Thôn Bàn Đường 2	Xây dựng Phai và kênh mương kiến cổ	2022-2024	Số 212 ngày 18/8/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	148	141	7					148,1	140,7	7,4	UBND TT Bằng Lũng	
3	Phai, kênh mương nội đồng Nà Cùn	Thôn Bàn Đường 2	Xây dựng Phai và kênh mương kiến cổ	2022-2024	Số 213 ngày 18/8/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	148	141	7					148,0	140,6	7,4	UBND TT Bằng Lũng	
4	Kênh mương cảnh đồng Nà Bắc	Thôn Nà Pải	L= 320 m, hxb=30x30 cm	2022-2024	Số 214 ngày 18/8/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	210	200	11					210,0	199,5	10,5	UBND TT Bằng Lũng	
5	Phai, Kênh mương cảnh đồng Khuổi Tráng	Thôn Nà Pải	L= 310 m, hxb=30x30 cm	2022-2024	Số 292 ngày 28/11/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	400	380	20					400,0	380,0	20,0	UBND TT Bằng Lũng	
6	Đường nội thôn Bàn Tàn	Thôn Bàn Tàn	L= 210 m, B= 3m, h=16cm.	2022-2023	Số 291 ngày 28/11/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	250	238	13	TB số 412/TB-TCKH ngày 09/9/2023 của P TC - KH	243	231	12	243,3	231,2	12,2	UBND TT Bằng Lũng	
7	Xây dựng cầu tư mới đập kênh Pá Bè	Bản Tân	Xây dựng đập kiến cổ với L=5 m, chiều cao H= 2m. Kênh với chiều dài L= 62 m.	2022-2023	Số 295 ngày 29/11/2022 của UBND thị trấn Bằng Lũng	300	285	15					300,0	285,0	15,0	UBND TT Bằng Lũng	
8	Đường nội đồng Nà Chá	Thôn Bàn Đường 2	L= 100 m, B= 2 m, h=16 cm.	2024-2025	Số 205 ngày 23/11/2023 của UBND thị trấn Bằng Lũng	150,00	142,50	7,50					150,0	142,5	7,5	UBND TT Bằng Lũng	
9	Kênh mương phai Lùm	Thôn Bàn Đường 2	L= 100 m, hxb=30x30 cm	2024-2025	Số 204 ngày 21/11/2023 của UBND thị trấn Bằng Lũng	100,00	95,00	5,00					100,0	95,0	5,0	UBND TT Bằng Lũng	
10	Làm Đường nội thôn Cốc Báy	Thôn Nà Pải	L= 70 m, B= 2 m, h=16cm	2024-2025	Số 191 ngày 06/10/2023 của UBND thị trấn Bằng Lũng	85,00	80,75	4,25					85,0	80,8	4,3	UBND TT Bằng Lũng	
11	Làm Đường nội thôn Khuổi Tráng	Thôn Nà Pải	L= 70 m, B= 2 m, h=16cm	2024-2025		85,00	80,75	4,25					85,0	80,8	4,3	UBND TT Bằng Lũng	
12	Làm Đường nội thôn Khuổi Pải	Thôn Nà Pải	L=110 m, b= 2m, h= 16cm	2024-2025		150,00	142,50 ¹	7,50					150,0	142,5	7,5	UBND TT Bằng Lũng	

TT	Tên dự án, công trình	Bị điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bà phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PDQT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Chi chủ
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
13	Xây dựng đập khu C	Bán Tân	Xây dựng đập kiến cổ với L=20 m	2024-2025	Số 3740 ngày 06/11/2023 của UBND H. Chợ Bùn	844,40	802,18	42,22					844,4	802,2	42,2	BQLDA ĐTXD huyện	
14	Đường nội thôn Bán đường 2	Thôn Bán Đường 2	L=250 m, B=2 m, h=16cm.	2025		300,00	285,00	15,00					300,0	285,0	15,0	UBND TT Bàng Lũng	
15	Lâm Đường nội thôn Nà Bắc	Thôn Nà Pải	L=200 m, B=2 m; h=16cm	2024	Số 179 ngày 14/10/2023 của UBND thị trấn Bàng Lũng	400,00	380,00	20,00					400,0	380,0	20,0	UBND TT Bàng Lũng	
16	Phai nương Khuổi Luông	Thôn Nà Pải	Xây dựng Phai và kênh nương kiến cổ	2025		100,00	95,00	5,00					100,0	95,0	5,0	UBND TT Bàng Lũng	
17	Đường nội đồng Nà Khi	Thôn Bán Đường 2	L=100 m, B=2m, h=16cm.	2025		150,00	142,50	7,50					150,0	142,5	7,5	UBND TT Bàng Lũng	
	Chưa phân bổ sau điều chỉnh												7,6	7,3	0,3		
II.13	Xã Quảng Bạch					2.889,8	2.745,3	144,5	-	875,2	831,4	43,8	2.865,0	2.721,8	143,3	-	
1	Nhà văn hóa thôn Khuổi Vưa	Thôn Khuổi Vưa	Nhà văn hóa quy mô 50 chỗ ngồi	2022-2023	Số 117 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	372	353	19					371,6	353,0	18,6	UBND xã Quảng Bạch	
2	Đường giao thông liên thôn Khuổi Đăm - Khuổi Vưa	Thôn Khuổi Đăm, Bán Lác, Khuổi Vưa	Bê tông hóa mặt đường, Chiều dài L = 800m, rộng 3,0m, h=0,16	2022 - 2024	Số 2076 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	900	855	45	Số 2293 ngày 26/7/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	875	831	44	875,2	831,4	43,8	BQLDA ĐTXD	
3	Đường trục thôn Khuổi Vưa (đoạn nhà Ông Đặng Phúc Văn)	Thôn Khuổi Vưa	L = 1500m, B = 3,0m, h=0,16m	2024-2025	Số 132 ngày 27/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	232	220,40	11,60					232,0	220,4	11,6	UBND xã Quảng Bạch	
4	Đường trục thôn Bó Pía	Thôn Bó Pía	Bê tông hóa mặt đường, Chiều dài L = 200m, rộng 3,0m, h=0,16, xây rãnh thoát nước, đặt cống thoát nước	2022-2023	Số 124 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	250	237	12					249,9	237,4	12,5	UBND xã Quảng Bạch	
5	Kéo Điện lưới quốc gia kéo vào khu Kéo Hân	Thôn Bó Pía	Dựng cột 0,4 và dây điện đạt chuẩn	2022 - 2024	Số 2087 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	951	903	48					951,0	903,0	48,0	BQLDA ĐTXD	
6	Đường trục thôn Khuổi Vưa - Nà Pía	Thôn Khuổi Vưa	Đường GTNT dài khoảng 400 m	2024-2025		185	176,5	8,8					185,3	176,5	8,8	UBND xã Quảng Bạch	
II.14	Xã Yên Thịnh					1.432	1.360	72					1.432,0	1.360,4	71,6	-	
1	Đường trục thôn Khuổi Lịa đoạn từ nhà ông Hà lên bản trên	Thôn Khuổi Lịa	L=350m, R=2m, h=14cm	năm 2022-2023	Số 398 ngày 08/8/2022 của UBND xã Yên Thịnh	258	245	13					257,8	244,9	12,9	UBND xã Yên Thịnh	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Bã Phá duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PQDT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
2	Đường trục thôn Khuổi Lúa đoạn từ Kéo Cạp đến nhà ông Triệu Hữu Minh	Thôn Khuổi Lúa	L=130m, R=2m, h=14cm, công phí 5	Năm 2023	Số 466 ngày 30/11/2022 của UBND xã Yên Thành	358	340,10	17,90					358,0	340,1	17,9	UBND xã Yên Thành	
3	Đường trục thôn Khuổi Lúa đoạn từ nhà Kéo Cạp đến nhà ông Hiền	Thôn Khuổi Lúa	L=100m, R=2m, h=14cm, công phí 5	Năm 2024	Số 123 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Thành	358,00	340,10	17,90					358,0	340,1	17,9	UBND xã Yên Thành	
4	Đường giao ngõ xóm thôn Khuổi Lúa đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Liệu	Thôn Khuổi Lúa	L=300m, R=2m, h=14cm	2024-2025	Số 124 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Thành	358,00	340,10	17,90					358,0	340,1	17,9	UBND xã Yên Thành	
5	Đường trục thôn Khuổi Lúa đoạn từ Đốt Cọ đến Kéo Cạp thôn Khuổi Lúa	Thôn Khuổi Lúa	Đường GTNT	Năm 2025		100,20	95,2	5,0					100,2	95,2	5,0	UBND xã Yên Thành	
II.15	xã Nghĩa Tả					1.432	1.360	72					1.432,0	1.360,4	71,6		
1	Mở đường từ Khuổi Dại đi Kéo Vải	Thôn Ban Bàng	Làm mới dài 800m R 3m, dầy 16 cm	2022-2024	QĐ số 58a ngày 02/8/2022 của UBND xã Nghĩa Tả	1.000	950,00	50,00					1.000,0	950,0	50,0	UBND xã Nghĩa Tả	
2	Cần tràn Khuổi Dại	Thôn Ban Bàng	Làm mới dài 8m	2024-2025	QĐ số 791 ngày 29/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	432	410,4	21,6					432,0	410,4	21,6	UBND xã Nghĩa Tả	
II.16	xã Đồng Thắng												4.297,9	4.083,0	214,9	-	
1	Công trình đường trục thôn Nà Dăm, thôn Nà Mèo	Thôn Nà Mèo	L=900m, B=3m, H=0,16m	2022-2023	QĐ số 455 ngày 27/6/2022 của UBND xã Đồng Thắng	900	855	45					900,0	855,0	45,0	UBND xã Đồng Thắng	
2	Công trình cầu tràn Khuổi Ném, thôn Cốc Quang, thôn Pác Giã	Thôn Pác Giã	Mặt cầu L=35m, B=5m, dầy = 0,3m Móng L=35m, B=5m, sâu = 1m	2022	QĐ số 522b ngày 19/7/2022 của UBND xã Đồng Thắng	500,0	475	25					500,0	475,0	25,0	UBND xã Đồng Thắng	
3	Kẻ chống xói Nà Mèo, thôn Nà Mèo	Thôn Nà Mèo	L=200m, H=2m	2025		500,00	475,00	25,00					500,0	475,0	25,0	UBND xã Đồng Thắng	
4	Kẻ chống xói đồng Nà Chao, thôn Cốc Quang	Thôn Nà Chao	L=40m, H=2m	2023	QĐ số 1051 ngày 29/11/2022 của UBND xã Đồng Thắng	180	171	9					180,0	171,0	9,0	UBND xã Đồng Thắng	
5	Kẻ chống xói bờ sông cạnh đồng Nà Phành, thôn Pác Giã	Thôn Pác Giã	L=500m, H=2m	2023-2025	QĐ số 2882 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Bùn	618	587	31					617,9	587,0	30,9	BQLDA ĐTXD	
6	Công trình nâng cấp đường trục thôn Nà Mèo	Thôn Nà Mèo	L=218m, B=3m, H=0,16m	2024-2025	QĐ số 44 ngày 16/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	300,00	285,00	15,00					300,0	285,0	15,0	UBND xã Đồng Thắng	
7	Công trình nâng cấp đường trục thôn Nà Mèo đến Nà Mỏ	Thôn Nà Mèo	L=200m, B=3m, H=0,16m	2024-2025	QĐ số 52 ngày 20/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	300,00	285,00	15,00					300,0	285,0	15,0	UBND xã Đồng Thắng	
8	Công trình đường trục thôn Pác Giã đi Khuổi Ném	Thôn Pác Giã	L=1000m, B=3m, H=0,16m	2024-2025	QĐ số 48 ngày 18/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	1.000,00	950,00	50,00					1.000,0	950,0	50,0	UBND xã Đồng Thắng	
II.17	Cấp huyện												6.616,1	6.572,6	43,5		

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt hoặc dự kiến phê duyệt)				Quyết định PQDT Dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chú đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Số QĐ	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng số	Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng		
I	Trường TH&THCS Bằng Phúc	Xa Bằng Phúc	Nhà lớp học 03 tầng 9 phòng học và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	số 2678 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	6.616	6.285	331					6.616,1	6.572,6	43,5	BOLDA BTXD	
IV	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT BÀNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH												5.423,0	5.165,0	258,0		
	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Chợ Đồn	Huyện chợ Đồn		2022-2025		5.423,0	5.165,0	258,0					5.423,0	5.165,0	258,0	Phòng Văn hoá và Thông tin	Địa chỉ: đường do tỉnh cấp BS gửi đơn tại QĐ số 2328/QĐ/UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

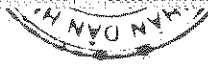
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH (LẦN 6)

(Kèm theo Từ trình số: /TT-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh														Chức năng đầu tư	Ghi chú
							Cụ thể															
							GB 2021-2022						Giải đoạn 2023-2025				Tổng cộng					
							Trong đó			Cộng			Trong đó		Cộng							
		Số QĐ	Số tiền	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh							
A		B	1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=10+7	14=12+8	15	16				
TỔNG CỘNG HUYỆN CHỢ ĐỒN				227.738	159.642	27.665	40.814	41.783	37.398	4.384	148.939	124.682	25.002	193.016	163.350	29.666						
A DỰ ÁN CẤP HUYỆN				90.951	63.664	16.575	10.712	11.295	8.369	2.926	69.181	55.294	13.887	81.425	64.362	17.063						
1	Đường điện thôn thôn Cốc Sioong, thôn Pù Lùng II (xã Xuân Lạc)	2022-2023	số 2672 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	5.715	4.001	1.429	286	5.429	4.000	1.430				5.429	4.000	1.430	BỘ LẠ ĐTXD huyện					
2	Đầu tư đường điện quốc gia thôn Phưong Đền, xã Tân Lập	2022-2023	số 2673 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.100	1.470	525	105	1.995	1.470	525				1.995	1.470	525	BỘ LẠ ĐTXD huyện					
3	Đầu tư đường điện quốc gia thôn Vàng Đuoc, xã Bình Trung	2022-2023	số 2674 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	6.172	4.320	1.543	309	3.871	2.900	972	1.929	1.421	508	5.799	4.320	1.479	BỘ LẠ ĐTXD huyện					
4	Đầu tư đường điện thôn Bàn Quả - Bàn Lẻn - Lũng Khong xã Nam Cường	2022-2023	số 3866 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.700	1.890	675	135				2.565	1.890	675	2.565	1.890	675	BỘ LẠ ĐTXD huyện					
5	Đầu tư xây dựng chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	2024-2025	số 4113 ngày 30/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	4.410	3.087	154	1.169				3.241	3.087	154	3.240	3.086	154	BỘ LẠ ĐTXD huyện					
6	Đầu tư xây dựng TT Giáo dục TX-GDDN đạt chuẩn theo quy định	2024-2025	số 2849 ngày 24/8/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	8.711	6.098	305	2.308				6.403	6.098	305	6.403	6.098	305	BỘ LẠ ĐTXD huyện					

STT	Nội dung	Thời gian giải công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể				Tổng cộng							
					Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	GĐ 2021-2022		Giai đoạn 2023-2025		Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng			Đối ứng ngân sách tỉnh
7	Đầu tư xây dựng trường Mầm non Bàng Phúc	2022-2024	số 3867 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	6.207	4.345	1.551	311			5.896	4.345	1.551	5.896			4.345	1.551	BQLDA ĐTXD huyện	
8	Đầu tư xây dựng trường Mầm non Đồng Thắng	2022-2024	số 3868 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	4.700	3.290	1.175	235			4.465	3.290	1.175	4.465			3.290	1.175	BQLDA ĐTXD huyện	
10	Đầu tư xây dựng trường Mầm non Yên Mỹ	2022-2024	số 3869 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	8.000	5.600	2.000	400			7.600	5.600	2.000	7.600			5.600	2.000	BQLDA ĐTXD huyện	
11	Đầu tư xây dựng trường Tiểu học Bình trung	2024-2025	số 4125 ngày 30/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	7.500	5.250	1.875	375			7.125	5.250	1.875	7.125			5.250	1.875	BQLDA ĐTXD huyện	
12	Mầm non Tân Lập	2024-2025	số 4130 ngày 30/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	11.500	8.050	2.875	575			10.925	8.050	2.875	10.925			8.050	2.875	BQLDA ĐTXD huyện	
13	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Xuân Lạc	2024-2025	số 4111 ngày 30/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	7.000	4.900	170	1.930			6.650	4.900	1.750	6.650			4.900	1.750	BQLDA ĐTXD huyện	
14	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Bần Thi	2022-2024	số 3870 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.150	1.505	538	108			2.043	1.505	538	2.043			1.505	538	BQLDA ĐTXD huyện	
15	Trường TH&THCS Đồng Thắng	2022-2024	số 3871 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	5.826	4.078	1.457	291			4.255	4.078	177	4.255			4.078	177	BQLDA ĐTXD huyện	
16	Tuyến đường Nghĩa Tả - Bàng Lãng (Phong Huân cũ)	2024-2025		8.260	5.780	304	2.176			6.084	5.780	304	6.084			5.780	304	BQLDA ĐTXD huyện	BS tại QĐ số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh
	Dự phòng sau điều chỉnh									950	700	250	950			700	250		
B	DỰ ÁN CẤP XÃ			136.787	95.978	11.091	30.101	30.487	29.029	1.458	79.758	69.388	11.115	111.591	98.988	12.603			
I	Xã Xuân Lạc			2.446	1.712	86	648	1.810	1.724	86	-	-	-	1.810	1.724	86			



STT	Nội dung	Thời gian khảo sát công - HT	Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Kế hoạch ghi đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chỉ dẫn tư	Ghi chú
								Tổng mức đầu tư					Cụ thể						
								GB 2021-2022			Giai đoạn 2023-2025		Tổng cộng						
					Trong đó			Trong đó											
					Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách tỉnh			
1	Đường giao thông thôn Bản Tụn đoạn từ Ngã ba công làng đến Nà Muong	2022	QĐ số 12 ngày 03/8/2022 của UBND xã Xuân Lạc	500	350	18	132	368	350	18				368	350	18	UBND xã Xuân Lạc		
2	Đường giao thông thôn Pù Lũng I đoạn từ Pù Đôn đến Pá Sía	2022	QĐ số 13 ngày 03/8/2022 của UBND xã Xuân Lạc	1.946	1.362	68	516	1.442	1.374	69				1.442	1.374	69	UBND xã Xuân Lạc		
II	Xã Nam Cường			23.460	16.423	1.198	5.790	2.648	2.523	125	14.945	14.000	946	17.593	16.523	1.070			
1	Đường trục thôn Nà Liên	2022-2023	Số 52 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	490	343	17	130	361	343	17	-			361	343	17	UBND xã Nam Cường		
2	Kênh mương thôn Bản Cháy	2022-2023	Số 51 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	1.000	700	35	265	735	700	35	-			735	700	35	UBND xã Nam Cường		
3	Công trình nước sinh hoạt thôn Phông Cả	2022-2023	Số 39a ngày 15/6/2022 của UBND xã Nam Cường	836	585	29	221	614	585	29	-			614	585	29	UBND xã Nam Cường		
4	Đường trục thôn Nà Hang thôn Bản Lóm	2022-2023	Số 55 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	641	449	22	170	471	449	22	-			471	449	22	UBND xã Nam Cường		
5	Dự án Đường trục thôn Nà Mèo	2023-2024	Số 138 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	664	465	23	176	-			488	465	23	488	465	23	UBND xã Nam Cường		
6	Đường trục thôn Bản Cháy	2022-2023	Số 113 ngày 07/11/2022 của UBND xã Nam Cường	650	455	23	172	467	446	21	11	9	2	478	455	23	UBND xã Nam Cường		
8	Dự án Đường trục thôn Bản Mới	2023	Số 139 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	116	81	4	31	-			85	81	4	85	81	4	UBND xã Nam Cường		
11	Kênh mương Lăng Noong đoạn 2 thôn Lăng Noong	2023	Số 155 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	129	91	5	34	-			95	91	5	95	91	5	UBND xã Nam Cường		
12	Kênh mương Bó Ngàn - Tổng Páo thôn Bản Lóm	2023	Số 156 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	400	280	14	106	-			294	280	14	294	280	14	UBND xã Nam Cường		
13	Đường nối đống Tổng Páo thôn Bản Lóm	2024-2025		120	84	4	32	-			88	84	4	88	84	4	UBND xã Nam Cường		

STT	Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức năng	Ghi chú	
			Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể											
					Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	GĐ 2021-2022			Giai đoạn 2023-2025			Tổng cộng					
								Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh			
14	Đường trục thôn Bán Lắm	2023	Số 140 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	600	420	21	159	-				441	420	21	441	420	21	UBND xã Nam Cường	
15	Đường nội đồng Chang Tổng thôn Bán Quá	2023	Số 147 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	975	683	34	258	-				717	683	34	717	683	34	UBND xã Nam Cường	
16	Kênh Chang Tổng thôn Bán Quá	2023	Số 152 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	800	560	28	212	-				588	560	28	588	560	28	UBND xã Nam Cường	
17	Kênh mương Nà Khuyết - Tả Lạn thôn Bán Quá	2023	Số 153 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	450	315	16	119	-				331	315	16	331	315	16	UBND xã Nam Cường	
18	Đường trục thôn Bán Quá lên nhà họp thôn	2023	Số 142 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	334	234	12	89					245	234	12	245	234	12	UBND xã Nam Cường	
19	Đường trục thôn Bán Quá - Bán Đàng	2023	Số 146 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	550	385	19	146					404	385	19	404	385	19	UBND xã Nam Cường	
20	Đường liên thôn 254 - Pắc Chấn thôn Con Póng - Cốc Lũng - Phiêng Cỏ	2023	Số 141 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	550	385	19	146					404	385	19	404	385	19	UBND xã Nam Cường	
21	Đường trục thôn Phiêng Cỏ	2023	Số 148 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	158	111	6	42					116	111	6	116	111	6	UBND xã Nam Cường	
22	Kênh Nà Liên thôn Bán Quá	2024-2025	Số 209 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	415	291	15	109					305	291	15	305	291	15	UBND xã Nam Cường	
23	Kênh Nà Nhỏ thôn Nà Liên	2023	Số 149 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	83	58	3	22					61	58	3	61	58	3	UBND xã Nam Cường	
24	Kênh Nà Ngựa thôn Nà Liên	2023	Số 150 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	83	58	3	22					61	58	3	61	58	3	UBND xã Nam Cường	
25	Công trình nước sinh hoạt Phiêng Tàu thôn Bán Chảy	2023	Số 154 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	650	455	23	172					478	455	23	478	455	23	UBND xã Nam Cường	

STT		Nội dung	Thời gian khảo sát công - HT	Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Kế hoạch ghi đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức năng	Ghi chú					
									Cụ thể																
									GB 2021-2022					Giải đoạn 2023-2025							Tổng cộng				
									Trong đó					Trong đó											
									Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh			Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh		
26	Công trình nước sinh hoạt Nà Lai thôn Bản Cháy	2024-2025	Số 219 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	650	455	23	172		478	455	23	478	455	23	478	UBND xã Nam Cường									
27	Công trình nước sinh hoạt Bản Cháy thôn Bản Cháy	2024-2025		650	455	23	172		478	455	23	478	455	23	478	UBND xã Nam Cường									
28	Công trình nước sinh hoạt thôn Nà Liên - Nà Mèo	2023	Số 151 ngày 30/11/2022 của UBND xã Nam Cường	750	525	26	199		551	525	26	551	525	26	551	UBND xã Nam Cường									
29	Đường trục thôn Nà Liên + Cầu dân sinh	Năm 2024-2025	Số 211 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	1.400	980	49	371		1.029	980	49	1.029	980	49	1.029	UBND xã Nam Cường									
30	Nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Nà Liên	Năm 2024-2025		571	400	~ 72	57		472	400	72	472	400	72	472	UBND xã Nam Cường									
31	Đường nội đồng thôn Bản Mót	Năm 2024-2025		1.000	700	35	265		735	700	35	735	700	35	735	UBND xã Nam Cường									
32	Nhà Văn hóa thôn Bản Cháy	Năm 2024-2025	Số 210 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	714	500	103	71		603	500	103	603	500	103	603	UBND xã Nam Cường									
33	Đường trục thôn Bản Cháy	Năm 2024-2025		786	550	28	208		578	550	28	578	550	28	578	UBND xã Nam Cường									
34	Đường Nà Hang (Đoạn 3)	Năm 2024-2025	Số 212 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	786	550	28	208		550	550		550	550	-	550	UBND xã Nam Cường									
35	Đường lên trường Tiểu học Lũng Nơong	Năm 2024-2025	Số 213 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	193	135	7	51		135	135		135	135	-	135	UBND xã Nam Cường									
36	Đường nội thôn Lũng Nông đi Phường Đền	Năm 2024-2025	Số 157 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	1.200	840	42	318		840	840		840	840	-	840	UBND xã Nam Cường									
37	Đường nội đồng Cốc Lùng - Bản Mót - Nà Mèo - Nà Liên	Năm 2024-2025		2.000	1.400	70	530		1.420	1.400	20	1.420	1.400	20	1.420	UBND xã Nam Cường									

STT		Nội dung	Thời gian giải khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể						Tổng cộng					
						Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	GD 2021-2022		Giải đoạn 2023-2025				Cộng	Nguồn NSTW			Đối ứng ngân sách tỉnh
										Trong đó	Đối ứng ngân sách tỉnh	Trong đó	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh						
38		Đường trục thôn Nà Lại - Bản Lỏm	2024-2025		358	250	12	107				262	250	12	262	250	12	UBND xã Nam Cường		
39		Đường trục thôn Bản Lỏm từ nhà ông Đặng Tài Lũy đến nhà ông Triệu Hữu Quý	2024-2025		351	246	12	105				258	246	12	258	246	12	UBND xã Nam Cường		
40		Đường trục thôn Bó Ca - Bản Lỏm	2024-2025		214	150	8	64				158	150	8	158	150	8	UBND xã Nam Cường		
41		Sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm xã Nam Cường	2024-2025		1.142	800	286	56				1.086	800	286	1.086	800	286	BQLDA ĐTXD huyện		
42		Chưa phân bổ sau điều chỉnh										100	100	(0)	100	100	(0)			
III		Xã Đông Lạc			22.720	15.905	3.534	3.282			77	17.294	14.000	3.295	19.894	16.523	3.371			
1		Nhà văn hóa thôn Nà Ôn	2023	Số 169 ngày 17/6/2022 của UBND xã Đông Lạc	543	380	19	144			-	399	380	19	399	380	19	UBND xã Đông Lạc		
2		Nhà văn hóa thôn Nà Dầu	2023	Số 170 ngày 17/6/2022 của UBND xã Đông Lạc	937	656	33	248			-	689	656	33	689	656	33	UBND xã Đông Lạc		
3		Nhà văn hóa thôn Thôn Phà	2023	Số 171 ngày 17/6/2022 của UBND xã Đông Lạc	669	468	23	177			-	491	468	23	491	468	23	UBND xã Đông Lạc		
4		Nhà văn hóa xã Đông Lạc	2022-2023	Số 802 ngày 28/3/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	3.000	2.100	600	300		957	901	1.582	1.199	383	2.539	2.100	439	BQLDA ĐTXD huyện		
5		Đường giao thông thôn Khuổi Váo - Nà Ấng (đoạn 2)	2022-2023	Số 224 ngày 22/10/2022 của UBND xã Đông Lạc	1.365	956	48	362		956	956	-	0	48	1.004	956	48	UBND xã Đông Lạc		
6		Đường giao thông thôn Thôn Phà (Đoạn lên Khu Bản Cọc)	2022-2023	Số 222 ngày 22/10/2022 của UBND xã Đông Lạc	302	211	11	80		211	211	-	11	0	222	211	11	UBND xã Đông Lạc		

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh										Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Cụ thể				Tổng cộng									
							GB 2021-2022			Giải ngân 2023-2025										
							Trong đó			Trong đó										
							Cộng	Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách	Cộng	Nguồn NSTW	Đội ứng ngân sách tỉnh					
7	Đường giao thông thôn Thôn Phá (Đoạn lán khu Nà Phá)	2024-2025		230	161	8	61	-	-	-	169	161	8	169	161	8	UBND xã Đồng Lạc			
8	Đường giao thông đoạn từ 254 đến Long Lân thôn thôn Bàn Trạng (Đoạn 1)	2024-2025		150	105	5	40	-	-	-	110	105	5	110	105	5	UBND xã Đồng Lạc			
9	Đường giao thông đoạn từ 254 đến Long Lân thôn thôn Bàn Trạng (Đoạn 2)	2022		268	188	9	71	196	188	8	1	-	1	197	188	9	UBND xã Đồng Lạc			
10	Đường nối đồng tại khu cánh đồng Nà Lân thôn Nà Ôn	2024-2025		220	154	8	58	-	-	-	162	154	8	162	154	8	UBND xã Đồng Lạc			
11	Đường trục thôn, thôn Nà Phá	2022		382	267	13	101	280	267	13	-	-	-	280	267	13	UBND xã Đồng Lạc			
12	Kiến cổ hóa kênh mương Nà Luông, thôn Nà Phá	2024-2025		220	154	8	58	-	-	-	162	154	8	162	154	8	UBND xã Đồng Lạc			
13	Kiến cổ hóa kênh mương đồng Nà Diêm, thôn Thôn Phá	2024-2025		220	154	8	58	-	-	-	162	154	8	162	154	8	UBND xã Đồng Lạc			
14	Chợ xã Đồng Lạc	2024-2025		Số 114 ngày 30/11/2023 của UBND xã huyện Chợ Đồn	1.000	700	250	50	-	-	950	700	250	950	700	250	BQLDA DTXD huyện			
15	Trường Tiểu học và THCS Đồng Lạc	2022-2023		Số 3872 ngày 28/11/2022 của UBND xã huyện Chợ Đồn	10.928	7.650	2.411	868	-	-	10.061	7.650	2.411	10.061	7.650	2.411	BQLDA DTXD huyện			
16	Kiến cổ hóa kênh mương đồng Bàn Cốc, thôn Thôn Phá	2024-2025		Số 130 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đồng Lạc	220	154	8	58	-	-	162	154	8	162	154	8	UBND xã Đồng Lạc			
17	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Nà Ấng, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025		500	350	18	133				368	350	18	368	350	18	UBND xã Đồng Lạc			
18	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Nà Phá, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025		286	200	10	76				210	200	10	210	200	10	UBND xã Đồng Lạc			

Kế hoạch gửi đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh													
STT	Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Cụ thể						
			Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Giai đoạn 2023-2025				Tổng cộng	
					Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Trong đó	Trong đó	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Đối ứng ngân sách tỉnh
									Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh			
19	Đường giao thông nội đồng Nà Tát - Nà Láo, thôn Nà Dấu, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025	Số 128 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đồng Lạc	143	100	5	38			105	5	105	5
20	Đường giao thông nội đồng Nà Ôn, thôn Nà Ôn, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025	Số 127 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đồng Lạc	468	328	16	124			344	16	344	16
21	Kiến cổ hóa kênh mương đồng Nà Điểm (Đoạn 2), thôn Thôn Phố, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025		240	168	8	64			176	168	176	8
22	Kiến cổ hóa kênh mương đồng Pác Khát, thôn Nà Dấu, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025		143	100	5	38			105	5	105	5
23	Đường giao thông vào khu dân cư Pác Khát, thôn Nà Dấu, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2025		286	200	10	76			210	200	210	10
	Dự phòng sau điều chỉnh									618	618	618	
IV	Xã Quảng Bạch			23.530	16.474	825	6.230		2.713	2.523	190	16.901	3.092
1	Đường liên thôn Khuổi Đăm - Bản Lác - Khuổi Vưa	2022	Số 122 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	610	427	21	162		453	431	22	453	22
2	Đường liên thôn Nà Cà - Bản Khát	2022	Số 121 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	435	305	15	115		320	305	15	320	15
3	Nhà văn hoá thôn Bản Mạ	2022	Số 119 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	460	322	16	122		338	322	16	338	16
4	Nhà văn hoá thôn Nà Cà	2022	Số 118 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	380	266	13	101		279	266	13	279	13

STT		Nội dung	Thời gian giải khởi công - HT	Tổng mức đầu tư										Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh																													
Số QĐ	Số tiền	Trong đó				Cộng	Trong đó			Trong đó			Tổng cộng				Chủ đầu tư	Ghi chú																									
		Nguồn NSTW	Bối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng		Nguồn NSTW	Bối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Bối ứng ngân sách tỉnh																																
5	Nhà văn hóa xã Quảng Bạch	2022	Số 120 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	950	665	33	252	809	709	100		809	709	100		UBND xã Quảng Bạch																											
6	Đường trục thôn Bàn Mả (đoạn từ nhà Ông Phóng đi Khuất Phụng)	2022	Số 123 ngày 20/6/2022 của UBND xã Quảng Bạch	700	490	24	185	514	490	24		514	490	24		UBND xã Quảng Bạch																											
7	Đường liên thôn Nà Cà - Bàn Khất	2023	Số 225 ngày 29/11/2022 của UBND xã Quảng Bạch	1.099	770	38	291				809	770	39	809	770	39	UBND xã Quảng Bạch																										
8	Trung tâm thể thao xã Quảng Bạch	2024-2025	số 4127 ngày 30/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	2.000	1.400	70	530				1.470	1.400	70	1.470	1.400	70	BQLDA ĐTXD huyện																										
9	Đường trục thôn Khuất Vĩa (đoạn từ nhà Ông Triều Hữu Sơn A đến nhà Ông Triều Hữu Kim)	2023	Số 224 ngày 29/11/2022 của UBND xã Quảng Bạch	499	350	18	132				368	350	18	368	350	18	UBND xã Quảng Bạch																										
10	Đường trục thôn Khuất Vĩa (đoạn từ nhà Ông Triều Hữu Sơn A đến nhà Ông Triều Hữu Kim)	2023	Số 226 ngày 29/11/2022 của UBND xã Quảng Bạch	199	140	7	52				147	140	7	147	140	7	UBND xã Quảng Bạch																										
11	Trường Tiểu học Quảng Bạch	2022-2024	số 2675 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	10.243	7.170	359	2.714				9.731	7.170	2.561	9.731	7.170	2.561	BQLDA ĐTXD huyện																										
12	Đường trục thôn Nà Cà (đoạn đi Nà Nón - Nà Hèo)	2023	Số 223 ngày 29/11/2022 của UBND xã Quảng Bạch	605	424	21	160				445	424	21	445	424	21	UBND xã Quảng Bạch																										
13	Kiến cổ hóa kênh mương Nà Pung, thôn Bàn Lắc	2024-2025	Số 137 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	800	560	28	212				588	560	28	588	560	28	UBND xã Quảng Bạch																										
14	Đường trục thôn Khuất Đàm (đoạn qua Thôn Lọc)	2024-2025	Số 143 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	110	77	4	29				81	77	4	81	77	4	UBND xã Quảng Bạch																										
15	Sửa chữa, nâng cấp công trình nước sinh hoạt Bàn Lắc	2024-2025		500	350	18	132				368	350	18	368	350	18	UBND xã Quảng Bạch																										
16	Đường trục thôn Bàn Khất (đoạn đi Nà Lào)	2024-2025	Số 138 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	400	280	14	106				294	280	14	294	280	14	UBND xã Quảng Bạch																										
17	Đường trục thôn Bàn Khất (đoạn dành đặc đến nhà Ông Đặng Mạnh Quan)	2024-2025	Số 136 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	500	350	18	132				368	350	18	368	350	18	UBND xã Quảng Bạch																										

Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh																		
Tổng mức đầu tư			Cụ thể															
			GB 2021-2022				Giai đoạn 2023-2025				Tổng cộng							
			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó			
			Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	
STT	Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Số QĐ	Số tiền	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác										Chủ đầu tư	Ghi chú
18	Đường trục thôn Khuổi Đăm (đoạn từ ĐT 254 lên nhà ông Hà Hữu Quảng)	2024-2025		105	74	4	27										UBND xã Quảng Bạch	
19	Đường trục thôn Khuổi Đăm (đoạn từ ĐT 254 vào Khuổi Khuy)	2024-2025		155	109	5	41										UBND xã Quảng Bạch	
20	Sửa chữa, nâng cấp công trình nước sinh hoạt Bản Khắt	2024-2025		500	350	18	132										UBND xã Quảng Bạch	
21	Đường ống dẫn nước tưới tiêu ruộng khu Chấn mới thôn Bản Khắt	2024-2025		215	151	8	56										UBND xã Quảng Bạch	
22	Đường trục thôn Bản Mạ - Khuổi Piàng (đoạn 2), thôn Bản Mạ	2024-2025		735	515	26	195										UBND xã Quảng Bạch	Bổ sung danh mục từ nguồn cấp BS tại QĐ số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
23	Đường nội đồng Bản Mạ - Khuổi Giang, thôn Bản Mạ - Bản Duôn	2024-2025		870	609	30	231										UBND xã Quảng Bạch	
24	Đường nội đồng Nà Mỏ - Nà Chua, thôn Bản Lác	2024-2025		400	280	14	106										UBND xã Quảng Bạch	
25	Đường nội đồng từ nhà Ông Nông Văn Cón đến cầu Bản Duôn, thôn Bản Duôn	2024-2025		60	42	2	16										UBND xã Quảng Bạch	
V	Xã Tân Lập			2.461	1.722	86	652	1.809	1.723	86	-	-	1.809	1.723	86			
1	Công trình đường trục thôn từ nhà hợp thôn cũ đến nhà ông Triệu Tiến Quang, thôn Nà Sầm.	2022-2023	Số 232a ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	606	424	21	161	445	424	21			445	424	21	UBND Xã Tân Lập		
2	Công trình đường giao thông Nà Luộc - Nà Mù, thôn Nà Luộc (đoạn 1)	2022-2023	Số 232a ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	606	424	21	161	445	424	21			445	424	21	UBND Xã Tân Lập		
3	Công trình đường nội đồng Nà Ve - Bó Kheo, thôn Phất Đẳng	2022-2023	Số 232b ngày 25/7/2022 của UBND xã Tân Lập	550	385	19	146	405	385	20			405	385	20	UBND Xã Tân Lập		

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư										Kế hoạch gửi đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức năng tư	Chỉ tiêu																																								
				Tổng mức đầu tư										Kế hoạch gửi đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh																																																			
																										Cụ thể										Tổng cộng																													
																																														GB 2021-2022										Giải đoạn 2023-2025									
Số QĐ		Số tiền		Trong đó				Cộng		Cộng		Cộng		Cộng		Cộng		Cộng		Cộng																																													
				Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh																Nguồn khác		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh																															
				Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh																Nguồn khác		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh																															
				Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh																Nguồn khác		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn NSTW		Đầu tư ngân sách tỉnh																															
1	Đường giao thông nông thôn thôn Phiang Liêng (Đoạn Nà Lìn)	2022	Số 120 ngày 22/8/2022 của UBND xã Ngọc Phái	136	95	5	36	100	95	5		100	95	5		100	95	5	UBND xã Ngọc Phái	Đã Quyết toán																																													
2	Đường giao thông nông thôn thôn Ban Diêu (Đoạn Cốc Tây)	2022	Số 118 ngày 18/8/2022 của UBND xã Ngọc Phái	219	153	8	58	155	148	7		155	148	7		155	148	7	UBND xã Ngọc Phái	Đã Quyết toán																																													
3	Xây dựng nhà văn hóa xã	2022-2023	Số 119 ngày 18/8/2022 của UBND xã Ngọc Phái	2.497	1.748	499	250	1.860	1.750	110		1.860	1.750	110		1.860	1.750	110	BOLDA ĐTXD huyện																																														
4	Xây mới trường tiểu học Ngọc Phái	2022-2024	Số 2676 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chư Đôn	11.913	8.339	2.978	596	570	567	3	10.567	7.772	2.795	11.137	8.339	2.798			BOLDA ĐTXD huyện																																														
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Ban Cười 2	2023	Số 3874 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chư Đôn	2.694	1.886	94	714					1.980	1.886	94		1.980	1.886	94	BOLDA ĐTXD huyện																																														
6	Đường trục thôn Ban Cười 1 (Đoạn 3)	2023-2024	Số 186 ngày 25/11/2022 của UBND xã Ngọc Phái	1.462	1.023	52	387					1.075	1.023	52		1.075	1.023	52	UBND xã Ngọc Phái																																														
7	Kênh mương Nà Khoác - Nà Tèo (Đoạn 2)	2023-2024		93	65	3	25					68	65	3		68	65	3	UBND xã Ngọc Phái																																														

STT		Nội dung	Thời gian giải ngân khởi công - HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chú đầu tư	Ghi chú	
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể						Tổng cộng				
						Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	GB 2021-2022			Giải đoạn 2023-2025			Tổng cộng				
									Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW			Đối ứng ngân sách tỉnh
8		Rãnh thoát nước thôn Bán Ôm	2023-2024		106	74	4	28				78	74	4	UBND xã Ngọc Phái				
9		Đường ngõ xóm thôn Bán Ôm (Đoạn từ nhà ông Lương Văn Hương lên nhà ông Hoàng Văn Hữu và đoạn từ nhà ông dùng đến bờ suối)	2023-2024		126	88	4	33				92	88	4	UBND xã Ngọc Phái				
10		Sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Tiểu học, Trường Mầm non Phan trường Bán Cuôn	2024-2025		926	648	232	46				880	648	232	BQLDA ĐTXD huyện				
11		Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Nà Bưa - thôn Nà Tùm	2023	số 3875 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	330,1	231	12	88				243	231	12	BQLDA ĐTXD huyện				
12		Xây dựng kênh mương Khuổi Thán thôn Bán Cuôn 1	2023	Số 175 ngày 24/11/2022 của UBND xã Ngọc Phái	100,0	70	4	27				74	70	4	UBND xã Ngọc Phái				
13		Xây dựng kênh mương Nà Cù thôn Bán Cuôn 1	2024-2025	Số 115 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	100	70	4	26				74	70	4	UBND xã Ngọc Phái				
14		Xây dựng kênh mương Nà Mạ thôn Bán Cuôn 1	2024-2025	Số 114 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	70	49	2	19				51	49	2	UBND xã Ngọc Phái				
15		Xây dựng kênh mương Lũng Vải	2024-2025	Số 137 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	750	525	26	199				551	525	26	UBND xã Ngọc Phái				
16		Đập Nà Loọc thôn Bán Cuôn 2	2024-2025		255	179	7	70				186	179	7	UBND xã Ngọc Phái	Bổ sung danh mục từ nguồn số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của cấp BS tại QĐ			
17		Đập Nà Lại thôn Bán Cuôn 2	2024-2025		351	246	14	91				260	246	14	UBND xã Ngọc Phái				
18		Đập Khuổi Thán thôn Bán Cuôn 1	2024-2025		542	379	19	143				398	379	19	UBND xã Ngọc Phái				

Bổ sung danh mục từ nguồn cấp BS tại QĐ số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của

STT		Nội dung	Thời gian giải khởi công - HT	Tổng mức đầu tư										Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức năng đầu tư	Chi chủ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
				Tổng mức đầu tư										Cụ thể																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
																										GB 2021-2022										Giải đoạn 2023-2025										Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
				Trong đó				Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó			

Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh															Chủ đầu tư	Ghi chú	
STT	Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Cụ thể										
			Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Giải đoạn 2023-2025				Tổng cộng					
					Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng			
10	Kênh mương Bó Khuang thôn Bán Vay	2023	Số 462 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	160	112	6	42				118	112	6	118	6	UBND xã Yên Thịnh	
11	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Kim thôn Khuổi Lĩa	2023	Số 459 ngày 29/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	130	91	4	35				95	91	4	95	4	UBND xã Yên Thịnh	
12	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Xương thôn Khuổi Lĩa	2023	Số 458 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	70	49	2	19				51	49	2	51	2	UBND xã Yên Thịnh	
13	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Toàn thôn Khuổi Lĩa	2024-2025		110	77	4	29				81	77	4	81	4	UBND xã Yên Thịnh	
14	Đường ngõ xóm đoạn từ nhà ông Vương đến nhà ông Đặng Tái Minh thôn Khuổi Lĩa	2023	Số 459 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	130	91	5	34				96	91	5	96	5	UBND xã Yên Thịnh	
15	Đường ngõ xóm đoạn từ QL 3B đến nhà ông Giáp thôn Bán Đôn	2023	Số 464 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	150	97	5	49				101	97	5	101	5	UBND xã Yên Thịnh	
16	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Luy thôn Bán Cầu	2023	Số 463 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	68	48	2	18				50	48	2	50	2	UBND xã Yên Thịnh	
17	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Liễn thôn Khuổi Lĩa	2024-2025		105	74	4	27				77	74	4	77	4	UBND xã Yên Thịnh	
18	Trung tâm thể thao xã Yên Thịnh	2024-2025	Số 4126 ngày 30/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	635	445	22	168				1.387	1.321	66	1.387	66	BQLDA DTXD huyện	
19	Nhà văn hóa thôn Phố Cầu	2023	Số 465 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	300	210	11	80				221	210	11	221	11	UBND xã Yên Thịnh	
20	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Hoàng Văn Trường thôn Bán Cầu	2024-2025	Số 127 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Thịnh	63	44	2	17				46	44	2	46	2	UBND xã Yên Thịnh	Bổ sung danh

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể					Tổng cộng							
						Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	GD 2021-2022		Giai đoạn 2023-2025			Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng			Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh
									Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW								
9		Kiến cổ hóa mương Tông Hướng thôn Nà Hướng (đoạn từ ruộng nhà bà Tường đến ruộng nhà ông Dương)	2023	Số 141 ngày 27/11/2022 của UBND xã Yên Thượng	166	116	6	44					118	112	6	118	112	6	UBND xã Yên Thượng		
10		Đường nội đồng cánh đồng Tông Tảo thôn Bản Liên	2024-2025	Số 129 ngày 03/10/2023 của UBND xã Yên Thượng	190	133	7	50					140	133	7	140	133	7	UBND xã Yên Thượng		
11		Đường nội đồng cánh đồng Phướng Láng thôn Nà Nhâm	2024-2025	Số 160 ngày 20/11/2023 của UBND xã Yên Thượng	413	289	15	109						289	15	304	289	15	UBND xã Yên Thượng	Bổ sung danh mục từ nguồn bổ sung tại Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
IX		Xã Bản Thi			2.461	1.723	86	652					1.809	1.723	-	-	1.809	1.723	86		
1		Đường liên thôn Bản Nhượng - Hợp Tiến (Việt Trì Ao), đoạn từ nhà ông Hân đến nhà Thanh Trụ	2022	Số 67 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bản Thi	625	438	22	166					460	438	22		460	438	22		
2		Đường liên thôn Kéo Nàng - Khuổi Kén, đoạn từ nhà ông Văn đến nhà bà Ghén	2022	Số 65 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bản Thi	750	525	26	199					551	525	26		551	525	26		
3		Đường liên thôn Hợp Tiến- Phướng Lầm đoạn từ nhà ông Thuận đến nhà ông Lưu	2022	Số 63 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bản Thi	280	196	10	74					206	196	10		206	196	10		
4		Đường liên thôn Hợp Tiến- Bản Nhái đoạn từ nhà hợp thôn đến nhà ông Quyết	2022	Số 64 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bản Thi, đ/c số 119a ngày 31/10/2022	601	421	21	159					442	421	21		442	421	21		
5		Kiến cổ hóa kênh mương Thảm Tàu, xã Bản Thi (đoạn nối tiếp)	2022	Số 66 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bản Thi, QĐ Điều chỉnh số 119 ngày 31/10/2022	205	144	7	54					150	143	7		150	143	7		

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức năng tư	Ghi chú		
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó				Cụ thể						Tổng cộng					
						Nguồn NSTW	Đầu tư ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	GD 2021-2022		Giải ngân 2023-2025		Cộng	Nguồn NSTW	Đầu tư ngân sách tỉnh	Cộng			Nguồn NSTW	Đầu tư ngân sách tỉnh
										Trong đó		Trong đó									
X	Xã Phương Viên			4.411	3.090	153	1.168	891	849	42	2.348	2.239	110	3.830	3.649	181					
1	Đường trục thôn Bàu Lân (Đoạn Nà Bào - Kéo Dụ) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2022-2023	Số 165 ngày 19/8/2022 của UBND xã Phương Viên	239	167	8	63	175	167	8				176	168	9	UBND xã Phương Viên				
2	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (Đoạn từ nhà họp thôn cũ vào Cốc Thụ) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2022-2023	Số 167 ngày 19/8/2022 của UBND xã Phương Viên	549	385	19	145	404	385	19	-			404	385	19	UBND xã Phương Viên				
3	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (Đoạn từ đầu cầu đến khu Nam) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2023-2024		506	354	18	134	46	43	3	323	309	14	369	352	17	UBND xã Phương Viên				
4	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (Đoạn từ nhà họp thôn cũ từ Khuổi Lỏn) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2023-2024		290	203	10	77				213	203	10	213	203	10	UBND xã Phương Viên				
5	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (Đoạn từ nhà văn hoá Nà Chua cũ đến nhà ông Sạch) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2023-2024		371	261	12	98				273	261	12	273	261	12	UBND xã Phương Viên				
6	Đường trục thôn Bằng Viên 1 (Đoạn từ nhà ông Bàu đến nhà ông Vinh) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2023-2024		139	98	4	37				102	98	4	102	98	4	UBND xã Phương Viên				

STT	Nội dung	Thời gian khai công - HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chủ đầu tư	Ghi chú				
			Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể				Tổng cộng									
					Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	GB 2021-2022		Giai đoạn 2023-2025		Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng			Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh		
								Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó										
7	Đường trục thôn Bán Lanh xã Phường Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2022- 2023	Số 166 ngày 19/8/2022 của UBND xã Phường Viên	397	278	14	105		266	254	12	26		24	2	292	278	14	UBND xã Phường Viên		
8	Đường trục thôn Nà Mạn xã Phường Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2023- 2024	Số 218 ngày 28/11/2022 của UBND xã Phường Viên	390	273	14	103					287		273	14	287	273	14	UBND xã Phường Viên		
9	Đường trục thôn Nà Cang thôn Nà Bjoooc đoạn từ nhà ông Tuyên đến nhà ông Ngõ xã Phường Viên	2024- 2025	Số 131 ngày 16/11/2023 của UBND xã Phường Viên	400	280	14	106					294		280	14	294	280	14	UBND xã Phường Viên		
10	Đường trục thôn Nà Mãn đoạn từ nhà ông Tuyên đến nhà ông Ngõ xã Phường Viên	2024- 2025	Số 133 ngày 16/11/2023 của UBND xã Phường Viên	79	55	3	21					58		55	3	58	55	3	UBND xã Phường Viên		
11	Đường trục thôn Nà Cang thôn Nà Cang đoạn từ đường 257B đến Bìa di tích Bán Cãi xã Phường Viên	2024- 2025	Số 132 ngày 16/11/2023 của UBND xã Phường Viên	127	89	4	34					93		89	4	93	89	4	UBND xã Phường Viên		
12	Đường Trục thôn Nà Quán, Xã Phường Viên	2024- 2025		754	528	26	200						554		528	26	554	528	26	UBND xã Phường Viên	
13	Đường trục thôn Thôn Chương (đoạn từ đường rẽ 257B đến Lèo Chũ) xã Phường Viên			170	118,7	5,9	45					125		118,7	5,9	125	118,7	5,9	UBND xã Phường Viên		
	Dự phòng sau điều chỉnh												590		561	29	590	561	29		
XI	Xã Bằng Phúc			2.568	1.724	86	758		1.810	1.724	86	-	-	-	-	1.810	1.724	86			
1	Đường Trục thôn Nà Bay - Kéo Pọt	2022	Số 77 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bằng Phúc	910	619	31	260		650	619	31	-				650	619	31	UBND xã Bằng Phúc		
2	Đường trục thôn Nà Phẩy - Bán Vá thôn Bán Khieu	2022	Số 76 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bằng Phúc	1.230	820	41	369		861	820	41	-				861	820	41	UBND xã Bằng Phúc		
3	Kiến cổ kênh mương Hín Khao - Pá Pầu -Nà Đon thôn Bán Quán	2022	Số 78 ngày 21/6/2022 của UBND xã Bằng Phúc	428	285	14	129		299	285	14	-				299	285	14	UBND xã Bằng Phúc		

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chủ đầu tư	Chị chủ
							Cụ thể					Tổng cộng						
							GB 2021-2022			Giải đoạn 2023-2025								
							Số QB	Số tiền	Trong đó			Cộng	Trong đó		Cộng	Nguồn NSTW		
Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh													
XII	Xã Đông Thăng			5.214	3.650	182	1.383	893	850	43	2.500	2.801	141	3.834	3.650	184		
1	Dương Khuổi Vắc, thôn Nà Kham	2022-2023	QB số 452 ngày 27/6/2022 của UBND xã Đông Thăng, điều chỉnh 760 ngày 18/10/2022	951	666	33	252	699	666	33				699	666	33	UBND xã Đông Thăng	
2	Đường Nà Lát, thôn Bàn Cầu	2022-2023	QB số 454 ngày 27/6/2022 của UBND xã Đông Thăng, QB điều chỉnh số 761 ngày 18/10/2022	126	88	4	33	92	88	4				92	88	4	UBND xã Đông Thăng	
3	Đường Nà Pên, thôn Bàn Cầu	2022	QB số 453 ngày 27/6/2022 của UBND xã Đông Thăng, QB điều chỉnh 762 ngày 18/10/2022	136	95	5	36	102	96	6				102	96	6	UBND xã Đông Thăng	
4	Đường Nà Liêng, thôn Nà Chang	2023	Số 1047 ngày 29/11/2022 của UBND xã Đông Thăng	350	245	12	93				257	245	12	257	245	12	UBND xã Đông Thăng	
5	Đường Nà Ya thôn Nà Cà	2024-2025		390	273	14	103				287	273	14	287	273	14	UBND xã Đông Thăng	
6	Đường Nà Tả, thôn Nà Chang	2024-2025	Số 82 ngày 25/10/2023 của UBND xã Đông Thăng	240	168	8	64				176	168	8	176	168	8	UBND xã Đông Thăng	
7	Đường Kham Chui, thôn Kham Chui (Đoạn dưới cầu tre)	2023	Số 1048 ngày 29/11/2022 của UBND xã Đông Thăng	270	189	9	72				198	189	9	198	189	9	UBND xã Đông Thăng	
8	Đường Khuổi Chui, thôn Làng Sen	2024-2025	Số 95 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đông Thăng	270	189	9	72				198	189	9	198	189	9	UBND xã Đông Thăng	
9	Đường Khuổi Ý, thôn Nà Lão	2023	Số 1049 ngày 29/11/2022 của UBND xã Đông Thăng	360	252	13	95				265	252	13	265	252	13	UBND xã Đông Thăng	

Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh																			
STT	Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư					Cụ thể										Chú đầu tư	Ghi chú
			Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Giải đoạn 2023-2025					Tổng cộng						
					Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Trong đó									
										Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh				
10	Đường Khuổi Nâu, thôn Nà Kham	2024-2025	Số 84 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	600	420	21	159											UBND xã Đồng Thắng	
11	Đường Khuổi Lỏ, thôn Nà Vầu	2024-2025	Số 85 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	400	280	14	106											UBND xã Đồng Thắng	
12	Đường Khuổi Viên, thôn Làng Sen	2024-2025	Số 95 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	257	180	9	68											UBND xã Đồng Thắng	
13	Đường Khuổi Vả, thôn Nà Vầu	2023	Số 1050 ngày 29/11/2022 của UBND xã Đồng Thắng	450	315	16	119											UBND xã Đồng Thắng	
14	Đường thôn Khuổi Nhang, xã Đồng Thắng	2024-2025	Số 97 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	279	195	10	74											UBND xã Đồng Thắng	Ước lượng nhân công người bổ sung tại Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Đường Phường Phấn, thôn Bàn Cẩu, xã Đồng Thắng	2024-2025	Số 83 ngày 25/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	135	95	5	36											UBND xã Đồng Thắng	
XIII	Xã Đại Sáo			2.462	1.724	86	653												
1	Đường trục thôn Nà Luông đoạn Nà Mít đi Nà Ngầu	2022	QĐ số 201 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	341	239	12	90											UBND xã Đại Sáo	
2	Đường trục thôn Nà Luông đoạn 2 từ nhà ông Huy đến nhà ông Tiếp	2022	QĐ số 200 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	179	125	6	47											UBND xã Đại Sáo	
3	Đường trục thôn Trung Tâm đoạn từ nhà ông Thắng đến nhà ông Trọng	2022	QĐ số 203 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	178	125	6	47											UBND xã Đại Sáo	
4	Đoạn 2 đường trục thôn Trung Tâm từ nhà ông Đàm đến nhà ông Cừ	2022	QĐ số 202 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	110	77	4	29											UBND xã Đại Sáo	
5	Đoạn đường trục thôn Bàn Sáo từ đường 254b đến nhà ông Minh, kẻ bằng đá hộc dài 22m	2022	QĐ số 198 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sáo	275	193	10	73											UBND xã Đại Sáo	

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chưa đầu tư		Ghi chú			
								Cụ thể															
								GB 2021-2022			Giai đoạn 2023-2025			Tổng cộng									
								Trong đó			Trong đó			Trong đó									
				Số QP		Số tiền		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó		Cộng		Trong đó			
						Nguồn NSTW		Đổi ứng ngân sách tỉnh		Nguồn khác		Cộng		Nguồn NSTW		Đổi ứng ngân sách tỉnh		Cộng		Nguồn NSTW		Đổi ứng ngân sách tỉnh	
6	Xây mới đoạn 2 kênh cạnh dòng Nà Chảy thôn Nà Lải	2022	QB số 196 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	150	105	5	40	110	105	5		110	105	5		UBND xã Đại Sào							
7	Xây mới tuyến kênh cạnh dòng Nà Tộc thôn Ban Loon	2022	QB số 197 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	209	146	7	55	154	146	7		154	146	7		UBND xã Đại Sào							
8	Xây mới đoạn 2 tuyến kênh cạnh dòng Nà Die thôn Nà Ngà	2022	QB số 194 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	180	126	6	48	132	126	6		132	126	6		UBND xã Đại Sào							
9	Xây mới tuyến kênh cạnh dòng Khuổi Cam thôn Nà Ngà	2022	QB số 204 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	232	163	8	62	171	163	8		171	163	8		UBND xã Đại Sào							
10	Xây mới tuyến kênh cạnh dòng Pải Tỳ thôn Ban Sào, kè dài 27 m	2022	QB số 199 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	235	164	8	62	173	164	8		173	164	8		UBND xã Đại Sào							
11	Xây mới tuyến kênh cạnh dòng Khuẩn van thôn Nà Lải	2022	QB số 191 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	94	66	3	25	69	66	3		69	66	3		UBND xã Đại Sào							
12	Xây mới đoạn 2 kênh cạnh dòng Nà Ca thôn Nà Kháo	2022	QB số 193 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	90	63	3	24	66	63	3		66	63	3		UBND xã Đại Sào							
13	Xây mới tuyến kênh cạnh dòng Ban Sào	2022	QB số 195 ngày 18/7/2022 của UBND xã Đại Sào	189	132	7	50	139	132	7		139	132	7		UBND xã Đại Sào							
XIV	Xã Yên Mỹ			1.549	1.085	54	411	1.810	1.724	86	-	1.810	1.724	86									
1	Đường trục thôn Nà Leng từ Đường 1259b đến nhà ông Bùi Xuân Cường	2022	Số 796 ngày 18/8/2022 của UBND xã Yên Mỹ	244	170	9	65	179	170	9		179	170	9		UBND xã Yên Mỹ							
2	Kênh Tòng Lư thôn Ban Lư	2022-2023	Số 800 ngày 18/8/2022 của UBND xã Yên Mỹ	283	198	10	75	208	198	10		208	198	10		UBND xã Yên Mỹ							
3	Đường trục thôn Khuổi Tào đoạn từ nhà ông Pilen đến Nhà họp thôn	2022-2023	Số 793 ngày 18/8/2022 của UBND xã Yên Mỹ	545	381	19	144	400	381	19		400	381	19		UBND xã Yên Mỹ							
4	Mương Nà Puốt	2022-2023	Số 799 ngày 18/8/2022 của UBND xã Yên Mỹ	268	187	9	71	197	187	9		197	187	9		UBND xã Yên Mỹ							

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức năng	Ghi chú	
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể				Tổng cộng							
						Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	GB 2021-2022		Giải đoạn 2023-2025		Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW			Đối ứng ngân sách tỉnh
									Trong đó	Trong đó	Cộng	Cộng								
5	Kênh Khuối Kham	2022-2023	Số 798 ngày 18/8/2022 của UBND xã Yên Mỹ	210	147	7	56	154	147	7						154	147	7	UBND xã Yên Mỹ	
6	Đường và rãnh thoát nước đường trục thôn Khuối tạo đoạn từ chân dốc trong ao ông Duyến đến cầu Khuối Tạo	Năm 2022 - 2023	Số 1277 ngày 28/12/2022 của UBND xã Yên Mỹ	598	419	21	159	440	419	21						440	419	21	UBND xã Yên Mỹ	
7	Đường trục thôn Nà Giố đoạn từ đường 254b đến nhà ông Huy	Năm 2022 - 2023	Số 1279 ngày 28/12/2022 của UBND xã Yên Mỹ	96	67	3	26	71	67	3						71	67	3	UBND xã Yên Mỹ	
8	Đường trục thôn Phường Địa đoạn từ nhà ông Thanh đến nhà ông Phúc	Năm 2022 - 2023	Số 1278 ngày 28/12/2022 của UBND xã Yên Mỹ	234	153	8	73	161	153	8						161	153	8	UBND xã Yên Mỹ	
XV	Xã Yên Phong			2.450	1.715	86	649	1.810	1.724	86	-	-	-	-	-	1.810	1.724	86		
1	Đường trục thôn Khuất Tạo từ đường 254b đến nhà ông sỹ	2022	Số 260 ngày 23/8/2022 của UBND xã Yên Phong	599	420	21	159	441	420	21						441	420	21	UBND xã Yên Phong	
2	Đường trục thôn Khuất Tạo từ ngã ba ông Công đến ông Hòa	2022	Số 261 ngày 22/8/2022 của UBND xã Yên Phong	588	412	21	156	432	412	20						432	412	20	UBND xã Yên Phong	
3	Đường trục thôn Bán Bán Quảng đoàn 2	2022	Số 259 ngày 23/8/2022 của UBND xã Yên Phong	676	473	24	179	505	481	24						505	481	24	UBND xã Yên Phong	
4	Đường trục thôn Bán Bán Tầm 254 đến Nà Giố-Pác Diêu	2022	Số 262 ngày 22/8/2022 của UBND xã Yên Phong	486	340	17	129	358	341	17						358	341	17	UBND xã Yên Phong	
5	Đường trục thôn Pác Đả từ 254b đến cầu treo và từ ông Mạnh đến ông Như	2022	Số 264 ngày 22/8/2022 của UBND xã Yên Phong	100	70	4	27	74	70	4						74	70	4	UBND xã Yên Phong	
XVI	Xã Bằng Lăng			616	431	22	163	453	431	22	-	-	-	-	-	453	431	22		

STT		Nội dung	Thời gian khai công - HT	Tổng mức đầu tư										Kế hoạch giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh										Chức danh tư	Ghi chú
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cộng	GD 2021-2022		Cộng	Giải ngân 2023-2025		Tổng cộng										
						Nguồn NSTW	Đầu ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác		Cộng	Nguồn NSTW		Đầu ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW	Đầu ứng ngân sách tỉnh									
																	Trong đó		Trong đó						
1	Tuyến đường 254 vào nhà ông Tuổi (Thôn Tổng Mậu)	2022-2023	Số 302 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	250	175	9	66	184	175	9			184	175	9	UBND xã Bằng Lăng									
2	Tuyến đường vào nhà hợp thôn bản nh	2022-2023	Số 303 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	136	95	5	36	100	95	5						100	95	5	UBND xã Bằng Lăng						
3	Dự án kiên cố hóa kênh mương nội đồng Ban Nhì thôn Bản Nhì	2022-2023	Số 299 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lăng	230	161	8	61	169	161	8						169	161	8	UBND xã Bằng Lăng						
XVII	Xã Lương Bằng			611	428	21	162	453	431	22	-	-	-	453	431	22									
1	Đường trục thôn Ban Đò (Đoạn 4) Xã Lương Bằng	2022	Số 174 ngày 28/6/2022 của UBND xã Lương Bằng	611	428	21	162	453	431	22				453	431	22	UBND xã Lương Bằng								
XVIII	Xã Bình Trung			2.462	1.723	86	652	1.810	1.724	86	-	-	-	1.810	1.724	86									
1	Đường trục thôn từ đường Quốc lộ 3C đến hội trường thôn Bản Đòng	2022	QB 224 ngày 30/6/2022 của UBND xã Bình Trung	140	98	5	37	103	98	5				103	98	5	UBND xã Bình Trung								
2	Đường nối thôn từ đường QL3C xuống đến bờ suối thôn Nà Phảy	2022	QB 226 ngày 30/6/2022 của UBND xã Bình Trung	180	126	6	48	132	126	6				132	126	6	UBND xã Bình Trung								
3	Đường trục thôn từ nhà ông Chánh đến nhà ông Tuyên và đoạn dốc Nà Trầm thôn Khuổi Ấng	2022	QB 227 ngày 30/6/2022 của UBND xã Bình Trung	210	147	7	56	154	147	7				154	147	7	UBND xã Bình Trung								
4	Đường trục thôn từ đình Kéo Tầm đến nhà ông Thuận thôn Bản Páo	2022	QB 263 ngày 18/8/2022 của UBND xã Bình Trung	510	357	18	135	375	357	18				375	357	18	UBND xã Bình Trung								
5	Đường nối thôn từ Thăm Cầu đến nhà ông Trầm thôn Nà Oóc	2022	QB 263 ngày 18/8/2022 của UBND xã Bình Trung	482	337	17	128	354	338	17				354	338	17	UBND xã Bình Trung								

STT		Nội dung	Thời gian khởi công - công - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chú đầu tư	Chỉ chủ	
				Số QĐ	Số tiền	Trong đó			Cụ thể				Tổng cộng							
						Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	GB 2021-2022		Giai đoạn 2023-2025		Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng	Nguồn NSTW			Đối ứng ngân sách tỉnh
									Cộng	Nguồn NSTW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Cộng								
6		Đường từ Quốc lộ 3C đến hội trường thôn Đôn Liên	2022	QĐ 222 ngày 30/6/2022 của UBND xã Bình Trung	370	259	13	98		272	259	13			272	259	13	UBND xã Bình Trung		
7		Đường nội thôn từ nhà Ông Huyện qua nhà Ông Thiế thôn Nà Phầy	2022	QĐ 228 ngày 30/6/2022 của UBND xã Bình Trung	180	126	6	48		132	126	6			132	126	6	UBND xã Bình Trung		
8		Đường nội thôn từ trục chính đường Bân Ca - Khau Mùn (Đoạn 1)	2022	QĐ 223 ngày 30/6/2022 của UBND xã Bình Trung	390	273	14	103		287	273	14			287	273	14	UBND xã Bình Trung		
XIX		Xã Nghĩa Tá			5.213	3.648	184	1.381		891	850	41			2.938	2.799	139	3.649	180	
1		Tuyến đường từ quốc lộ 3 C đi Nà Hùm - Từ nhà Bà Hào đi khuổi Đò Thôn Nà Tông	2022-2023	QĐ 39b ngày 22/6/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	741	519	26	196		546	520	26					546	26	UBND xã Nghĩa Tá	
2		Tuyến đường Bản Bàng A đi Mỏ Đeng thôn Bản Bàng	2022	QĐ 39c ngày 22/6/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	189	133	7	50		139	133	6					139	6	UBND xã Nghĩa Tá	
3		Tuyến đường trục thôn Bản Lạp	2022	QĐ 39a ngày 22/6/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	281	196	10	74		206	197	9					206	9	UBND xã Nghĩa Tá	
4		Tuyến đường liên thôn từ đường Nghĩa Tá - Phong Huân đến Lò Gạch Thôn Kéo Tôm	2023	Số 111 ngày 16/11/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	384	270	12	102							282	270	12	282	12	UBND xã Nghĩa Tá
5		Tuyến đường từ đường nhựa đến Khuổi Khuyết - Khuổi Sắc thôn Nà Cà	2023	Số 112 ngày 16/11/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	505	352	19	134							370	351	19	370	19	UBND xã Nghĩa Tá
6		Tuyến đường từ đường nhựa quốc lộ 3c đi Nà Phảng	2024	Số 738 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tá	279	195	10	74							205	195	10	205	10	UBND xã Nghĩa Tá
7		Tuyến đường Bản Nua- cộc cóc thôn Nà Kiến	2023	Số 113 ngày 16/11/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	397	280	12	105							292	280	12	292	12	UBND xã Nghĩa Tá

Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh																		
Tổng mức đầu tư										Cụ thể								
STT	Nội dung	Thời gian khởi công - HKT	Số QĐ	Số tiền	Trong đó			GB 2021-2022			Giải đoạn 2023-2025			Tổng cộng			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Nguồn khác	Cộng	Trong đó		Cộng	Trong đó		Cộng	Nguồn NSTW	Đổi ứng ngân sách tỉnh		
8	Tuyến đường từ cầu cũ đi Nà Hiếu thôn Nà Khăm	2023	Số 110 ngày 16/11/2022 của UBND xã Nghĩa Tả	214	147	10	57				157	147	10	157	147	10	UBND xã Nghĩa Tả	
9	Tuyến đường từ đường nhựa đến nhà ông Giáp thôn Nà Cả	2024-2025	Số 742 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	220	154	8	58				162	154	8	162	154	8	UBND xã Nghĩa Tả	
10	Tuyến đường trục thôn Khuổi Thôn thôn Nà Dầy	2024-2025	Số 741 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	250	175	9	66				184	175	9	184	175	9	UBND xã Nghĩa Tả	
11	Tuyến đường trục thôn Nà Dầy đoạn II thôn Nà Dầy	2024-2025	Số 739 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	250	175	9	66				184	175	9	184	175	9	UBND xã Nghĩa Tả	
12	Tuyến đường trục thôn Nà Chàng - Nà Sấm thôn Nà Đeng	2024-2025	Số 740 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	443	310	16	117				326	310	16	326	310	16	UBND xã Nghĩa Tả	
13	Tuyến đường cầu Khuổi Tàu ra nhà ông Tinh thôn Ban Bàng (đoạn 1), xã Nghĩa Tả	2024-2025	Số 743 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	220	154	8	58				162	154	8	162	154	8	UBND xã Nghĩa Tả	
14	Tuyến từ đường nhựa đến nhà ông Thanh thôn Nà Cả	2024-2025		413	289	14	110				303	289	14	303	289	14	UBND xã Nghĩa Tả	
15	Đường từ quốc lộ 3c đi qua nhà ông Triết thôn Nà Tông xã Nghĩa Tả	2024-2025		140	98	5	37				103	98	5	103	98	5	UBND xã Nghĩa Tả	
16	Tuyến đường Khuổi Dẻ đi kéo vật (đoạn 3) Thôn Ban Bàng xã Nghĩa Tả			287	201	9	77				210	201	9	210	201	9	UBND xã Nghĩa Tả	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Chợ Đồn, ngày

tháng 4 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các
Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Lần 6)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính
phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm
2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị
định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ
quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của HĐND tỉnh
Bắc Kạn về phân cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh danh mục dự án đầu tư
công trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa
bàn tỉnh Bắc Kạn.*

Xét Tờ trình /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân huyện Chợ Đồn Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ
Kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn
2021-2025 (Lần 6); Báo cáo số /BC-HĐND ngày/4/2024 của Ban
kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định về điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (Lần 6). Cụ thể:

1. Chương trình Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a. Điều chỉnh tăng nguồn vốn dự án 10, nội dung: Dự án ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Chợ Đồn, số tiền: 814.000.000, đ (Trong đó: Ngân sách trung ương: 775.000.000, đ; ngân sách tỉnh: 39.000.000, đ)

Lý do điều chỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung nguồn vốn giai đoạn thực hiện Dự án 10 (Tại quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 08/12/2023).

(Chi tiết tại biểu số 02)

b. Điều chỉnh danh mục dự án 4 của xã Yên Phong và xã Bằng Lăng:

- UBND xã Yên Phong:

Điều chỉnh giảm không thực hiện danh mục Kênh Bản Lanh xã Yên Phong và bổ sung danh mục Đường nội đồng Bản Lanh (Đoạn 2), thôn Bản Lanh, xã Yên Phong, số tiền: 800.000.000, đ (Trong đó: Ngân sách trung ương: 760.000.000, đ; ngân sách tỉnh: 40.000.000, đ).

Lý do điều chỉnh: Dự án Kênh Bản Lanh xã Yên Phong Điều do Công ty TNHH MTV Thủy nông quản lý, nên không thực hiện và chuyển sang thực hiện dự án đường Đường nội đồng Bản Lanh (Đoạn 2) nhằm hoàn thiện tiêu chí Giao thông của xã Yên Phong.

- Xã Bằng Lăng

Điều chỉnh giảm không thực hiện danh mục Phai Khuổi Tàu thôn Khuổi Tặc và điều chỉnh tăng tổng mức cho 02 dự án Phai Nà Khoang thôn Bản Cưa xã Bằng Lăng, Phai Nà Kíu thôn Nà Loọc, xã Bằng Lăng. Cụ thể:

+ Công trình Phai Nà Khoang thôn Bản Cưa xã Bằng Lăng: Tăng 105.900.000 đồng (Tổng mức sau điều chỉnh là: 480.900.000 đồng);

+ Công trình Phai Nà Kíu thôn Nà Loọc, xã Bằng Lăng: 180.000.000, đ (Tổng mức sau điều chỉnh là: 480.000.000 đồng);

Lý do điều chỉnh: Dự án Phai Khuổi Tàu thôn Khuổi Tặc có suất đầu tư lớn, với kinh phí dự kiến ban đầu 285.900.000, đ sẽ không đảm bảo triển khai thực hiện dự án. Do đó, điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư cho 02 danh mục dự án đã phê duyệt trong giai đoạn để đảm bảo triển khai thực hiện dự án có hiệu quả.

(Chi tiết tại biểu số 02)

2. Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án của xã Phương Viên, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm không thực hiện đối với 04 danh mục do đã thực hiện năm 2023 và trùng tên danh mục đã phê duyệt giai đoạn 2021 -2025, gồm:

+ Đường trục thôn Bằng Viễn 1 (đoạn từ đầu cầu đến khâu Nam) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn (Tổng vốn NSNN: 220 triệu đồng).

+ Đường trục thôn Bằng Viễn 1 (đoạn từ nhà họp thôn cũ đến Khuổi Lòn) xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn (Tổng vốn NSNN: 88 triệu đồng).

+ Đường trục thôn Bằng Viễn 1 Đoạn từ nhà Văn hóa Nà Chúa cũ đến nhà ông Sạch xã Phương Viên (Tổng vốn NSNN: 156 triệu đồng).

+ Đường Trục thôn Nà mản (Tổng vốn NSNN: 155 triệu đồng).

- Gộp 02 danh mục trên cùng một tuyến thành một danh mục dự án (Công trình Đường trục thôn Nà Quân (đoạn 2) xã Phương Viên và Công trình đường trục thôn Nà Quân) thành 01 dự án: Đường trục thôn Nà Quân xã Phương Viên với tổng vốn NSNN sau điều chỉnh là: 554,2 triệu đồng.

- Bổ sung tăng 01 danh mục: Đường trục thôn Thôn Choong đoạn từ đường rẽ 257B đến Lèo Chủ xã Phương Viên, với tổng vốn NSNN là: 125 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02)

2.3. Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG sau điều chỉnh giai đoạn 2021-2025 là: 326.867 triệu đồng (Trong đó: NSTW: 290.598 triệu đồng; NSDP (NS tỉnh): 36.269 triệu đồng). Cụ thể:

- Vốn Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 133.852 triệu đồng (Trong đó: NSTW: 290.598 triệu đồng; NSDP (NS tỉnh): 36.269 triệu đồng).

- Vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 193.015 triệu đồng (Trong đó: NSTW: 163.350 triệu đồng; NSDP (NS tỉnh): 29.665 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu số 01,03,04)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn khoá XX, kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngàytháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (B/cáo);
- Ban dân tộc tỉnh (B/cáo);
- Văn phòng Điều phối NTM (B/cáo);
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- DB HĐND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- LĐ Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Ma Thị Na